

# **1. Chính sách Chính sách cân bằng quan hệ với các nước lớn của Việt nam trong thời kỳ đổi mới**

*Học viên: Nguyễn Thị Vân Anh*

Chính sách cân bằng quan hệ với các nước lớn là 1 chính sách rất quan trọng của mỗi quốc gia. Một quốc gia muốn ổn định, phát triển luôn cần thực hiện chính sách này. Bản chất của chính sách cân bằng quan hệ là **không liên minh – không đối đầu** với quốc gia nào. Có 3 điều kiện thiết yếu để thực hiện chính sách này là: Một là: Quan hệ các nước lớn cân bằng, hai là chủ thể nước nhỏ - như trong luận văn đề cập đó là Việt Nam và môi trường quốc tế ổn định.

Để đi sâu phân tích, nghiên cứu chính sách cân bằng quan hệ với các nước lớn của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm có 3 chương:

## **Chương I: Chính sách giữ cân bằng quan hệ - một số vấn đề lý thuyết**

Đi sâu phân tích lý thuyết chính sách cân bằng mối quan hệ và các điều kiện để có thể thực hiện được chính sách này.

## **Chương II : Chính sách cân bằng quan hệ của Việt Na**

Nội dung Chương II đi sâu phân tích những nội dung cơ bản của chính sách giữ cân bằng quan hệ với các nước lớn của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

## **Chương III: Triển khai thực hiện, một số thành tựu và khả năng duy trì chính sách cân bằng quan hệ của Việt Nam.**

Phân tích thực tiễn quan hệ của ta với hai đối tác chính là Trung Quốc và Mỹ, đồng thời phân tích quan hệ với các nước khác trên các lĩnh vực an ninh, kinh tế, chính trị nhằm chứng minh chính sách được áp dụng trên thực tế.

Tóm lại, yếu tố cân bằng giữa các nước lớn, và môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác đã được thúc đẩy và duy trì trong những năm qua và những năm tiếp theo là

ơ sở thuận lợi cho Việt Nam thực hiện chính sách cân bằng quan hệ với các nước. Tuy nhiên, những yếu tố xung đột mang tính khu vực như ở Biển Đông cũng có thể cản trở chúng ta thực hiện chính sách này. Để thực hiện chính sách cân bằng trong quan hệ đối ngoại, đòi hỏi Đảng và nhà nước phải có các chính sách khéo léo, dựa trên nền tảng lợi ích dân tộc là tối cao.

## **2. Sự lớn mạnh về kinh tế của Trung Quốc và tác động đến hợp tác Đông Á**

*Học viên Nguyễn Thị Thái Bình*

Là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục cao nhất thế giới từ cuối thập niên 1970 trở lại đây, Trung Quốc đã thực sự chuyển mình không những thành một con rồng châu Á, mà còn trở thành công xưởng của thế giới, một "cường quốc mới xuất hiện", thách thức quyền lực của siêu cường Mỹ. Với tiềm năng to lớn về nhiều mặt, Trung Quốc rất có khả năng vươn lên thành một trung tâm quyền lực ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và cả thế giới trong tương lai không xa. Đông Á là một trong những khu vực phát triển năng động nhất của thế giới. Trong những thập kỷ gần đây, kinh tế Đông Á đã có bước phát triển nhanh chóng, trong đó Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc là ba trong số mười nước có nền kinh tế lớn hàng đầu thế giới. Việt Nam là một quốc gia nằm trong khu vực Đông Á và là láng giềng trực tiếp của Trung Quốc nên việc nghiên cứu sự lớn mạnh về kinh tế của Trung Quốc và tác động của nhân tố này đối với quan hệ Việt Nam – Trung Quốc nói riêng, và hợp tác khu vực Đông Á nói chung, là yêu cầu hết sức cấp thiết, đối với Việt Nam

Luận văn tập trung vào ba mục tiêu sau: thứ nhất là đánh giá sự lớn mạnh về kinh tế của Trung Quốc và mục tiêu của Trung Quốc đối với khu vực Đông Á; thứ hai là phân tích quá trình hình thành và phát triển của hợp tác Đông Á và tác động của sự lớn mạnh về kinh tế của Trung Quốc đối với hợp tác Đông Á; và thứ ba dự báo triển vọng phát triển kinh tế của Trung Quốc, khả năng phát triển hợp tác ở Đông Á và vai trò ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực này trong tương lai, từ đó đưa ra kiến nghị

về chính sách của Việt Nam.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn được bố cục thành 3 chương với nội dung như sau:

### **Chương 1: Sự phát triển kinh tế của Trung Quốc**

Chương 1 đi sâu phân tích thực trạng phát triển kinh tế của Trung Quốc, những thành tựu mà nước này đã đạt được sau hơn 30 năm tiến hành cải cách và mở cửa, cũng như những vấn đề còn tồn tại trong nền kinh tế, từ đó đánh giá thực lực về kinh tế và vị thế của Trung Quốc trong nền kinh tế toàn cầu cũng như trong phạm vi khu vực Đông Á.

### **Chương 2: Hợp tác Đông Á và tác động của sự phát triển kinh tế của Trung Quốc**

Đây là chương chính của Luận văn. Chương này phân tích quá trình hình thành và phát triển của hợp tác Đông Á, và thái độ của các nước liên quan chủ yếu đối với hợp tác Đông Á. Chương 2 đi sâu làm rõ mục tiêu và chính sách của Trung Quốc đối với hợp tác khu vực Đông Á, từ đó đưa ra những đánh giá về vai trò và ảnh hưởng của một Trung Quốc đang lớn mạnh đối với tiến trình hợp tác Đông Á trên các lĩnh vực kinh tế, an ninh-chính trị, và văn hoá.

### **Chương 3: Triển vọng hợp tác Đông Á, ảnh hưởng của Trung Quốc, và kiến nghị chính sách của Việt Nam**

Chương 3 tập trung đánh giá và dự báo về triển vọng hợp tác tại Đông Á, và sự phát triển kinh tế của Trung Quốc trong thời gian tới. Chương 3 cũng bao gồm đánh giá những ảnh hưởng của Trung Quốc lớn mạnh đối với Việt Nam và những tác động do một Trung Quốc ngày càng gia tăng ảnh hưởng trong hợp tác Đông Á đối với nước láng giềng núi sông liền một dải như Việt Nam. Từ đó, tác giả đưa ra một số suy nghĩ về chính sách của Việt Nam nhằm đảm bảo lợi ích an ninh, chính trị và kinh tế trong quan hệ giữa Việt Nam – Trung Quốc nói riêng, và trong tiến trình hợp tác Đông Á nói chung.

### **3. Chính sách Đông Nam Á của Nhật Bản những năm đầu thế kỷ XXI**

*Học viên: Nguyễn Đức Bảo Châu*

Nhật Bản là một trong những cường quốc phát triển hàng đầu thế giới, có tiềm lực kinh tế, quân sự tương đối lớn mạnh. Tuy nhiên, vị thế chính trị và quân sự của Nhật Bản trên trường quốc tế hiện vẫn chưa tương xứng với sức mạnh về kinh tế và sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Chính vì vậy, bước sang thế kỷ XXI Nhật Bản đã và đang điều chỉnh chính sách đối ngoại nhằm tăng cường tiềm lực về quân sự và chính trị, với mục tiêu đưa Nhật Bản trở thành “một cường quốc toàn diện”, có vai trò to lớn trên thế giới, trước hết là ở khu vực châu Á. Nhật Bản hiểu rõ rằng không thể phát huy vai trò toàn cầu nếu không bắt đầu từ khu vực. Do vậy, “Nhật Bản đã đặt trong tâm chính sách vào khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và coi Đông Nam Á có vị trí quan trọng đặc biệt” trong chính sách đối ngoại của mình.

Vậy trong thời gian tới, liệu Nhật Bản có đạt được mục tiêu trở thành một cường quốc toàn diện hay không? Nhật Bản sẽ có vai trò ảnh hưởng như thế nào đối với khu vực Đông Nam Á và trên thế giới những năm đầu thế kỷ XXI và trong những thập niên tiếp theo? Để giải đáp một loạt những câu hỏi trên, tác giả đã lựa chọn đề tài: “Chính sách Đông Nam Á của Nhật Bản những năm đầu thế kỷ XXI”. Đề tài được chia làm ba chương, cụ thể: Chương 1, những nhân tố tác động tới chính sách Đông Nam Á của Nhật Bản những năm đầu thế kỷ XXI; Chương 2, nội dung chính sách Đông Nam Á của Nhật Bản những năm đầu thế kỷ XXI; Chương 3, một số dự báo về chính sách và vai trò của Nhật Bản ở Đông Nam Á trong thời gian tới.

Trong chương 1, tác giả tập trung phân tích những nhân tố khách quan, chủ quan tác động đến chính sách Đông Nam Á của Nhật Bản. Chương 2 phân tích những nội dung cơ bản trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản và việc triển khai chính sách đó ở khu vực Đông Nam Á. Từ những căn cứ nêu ở chương 1 và chương 2 để có những nhận xét đối với chính sách Đông Nam Á của Nhật Bản những năm đầu thế kỷ XXI ở chương 3, trong đó bao gồm những mặt đã đạt được và những mặt hạn

chế, đồng thời đưa ra một số dự báo về chính sách và vai trò của N

#### **4. Sức mạnh mềm của Trung Quốc Khái niệm và Thực tiễn**

*Học viên: Nguyễn Lê Dung*

Việt Nam và Trung Quốc là 2 nước láng giềng, có nhiều điểm tương đồng, bất cứ sự thay đổi nào trong chính sách của Trung Quốc, đặc biệt là việc khuếch trương sức mạnh mềm của quốc gia này đều ít nhiều có ảnh hưởng đến Việt Nam và khu vực. Bên cạnh đó, bản thân khái niệm sức mạnh mềm đã nói lên một phần tính chất và sự quan trọng của nó để người ta phải nhắc đến.

Trong luận văn, tác giả tập trung làm rõ khái niệm sức mạnh mềm, chỉ ra sức mạnh mềm của Trung Quốc trên thực tiễn, cụ thể là ở 2 châu Á và châu Phi. Đồng thời, luận văn cũng sẽ đưa ra một số dự báo về sức mạnh mềm của Trung Quốc trong tương lai & kinh nghiệm cho Việt Nam. Ngoài Lời mở đầu và Kết luận, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1, tập trung làm rõ khái niệm sức mạnh mềm như khái quát về quá trình hình thành và phát triển của sức mạnh cũng như khái niệm và nội dung của nó và việc vận dụng sức mạnh mềm trong quan hệ quốc tế của một số nước, quan điểm, cơ sở của sức mạnh mềm Trung Quốc; từ đó chỉ ra những mục tiêu, tham vọng của Trung Quốc trong việc triển khai sức mạnh mềm.

Chương 2, tập trung giới thiệu về việc Trung Quốc triển khai sức mạnh mềm trên thực tiễn, cụ thể là ở châu Á và châu Phi.

Chương 3 là chương dự báo về sức mạnh mềm của Trung Quốc trong tương lai và những kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc phát triển sức mạnh mềm.

#### **5. Cộng đồng An ninh ASEAN và việc tham gia của Việt Nam**

*Học viên Nguyễn Văn Dũng*

Trải hơn bốn mươi năm hình thành phát triển, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã trở thành một thực thể chính trị-kinh tế bao gồm cả 10 quốc gia trong khu vực. Tinh đoàn kết, tính thống nhất, sự linh hoạt và tinh thần cởi mở đã

trở thành “điểm sáng” trong quan hệ chính trị quốc tế, là đòn bẩy giúp ASEAN vốn khác biệt về thể chế chính trị, trình độ phát triển, niềm tin tôn giáo và đặc thù văn hóa, đứng vững và không ngừng phát triển trong những năm gần đây. Kể từ khi hình thành, mặc dù ASEAN đã lập ra nhiều cơ chế phối hợp, hợp tác về chính trị an ninh nhưng vẫn chưa đảm bảo được nhu cầu cấp thiết của Hiệp hội trước những biến chuyển nhanh chóng của tình hình thế giới. Đây chính là tiền đề để ASEAN tiến tới xây dựng Cộng đồng ASEAN với 3 trụ cột: hợp tác chính trị-an ninh, hợp tác kinh tế và hợp tác văn hoá-xã hội vì mục tiêu bảo đảm hòa bình, ổn định và chia sẻ thịnh vượng, hướng tới “*một cộng đồng năng động, gắn kết, tự cường và hội nhập*”.

Sự xuất hiện ý tưởng về Cộng đồng An ninh ASEAN (ASC) cho thấy mối quan hệ giữa các thành viên ASEAN trong các vấn đề về chính trị an ninh chuyển sang một giai đoạn mới, rộng lớn hơn về lĩnh vực, sâu sắc hơn về nội dung, phong phú hơn về hình thức. Một Hiệp hội đoàn kết, có tinh thần hợp tác chặt chẽ, hướng tới tương lai khu vực hòa hợp với môi trường ổn định, hòa bình, hợp tác vì thịnh vượng chung là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của Việt Nam. Do đó, Việt Nam đã chủ động và tích cực tham gia quá trình định hình, xây dựng và triển khai các quyết định chung của ASEAN về ASC.

Đề tài nghiên cứu với tiêu đề “**Cộng đồng an ninh ASEAN và việc tham gia của Việt Nam**” sẽ tập trung làm rõ nhận thức và theo đó là chính sách của Việt Nam đối với ASC trong quá trình từng bước tham gia hội nhập quốc tế. Xây dựng ASEAN đoàn kết và hợp tác chặt chẽ, đặc biệt là trong lĩnh vực chính trị an ninh nhằm bảo đảm môi trường khu vực hòa bình, ổn định hoàn toàn phù hợp với lợi ích của Việt Nam. Với bản Luận văn, tác giả mong được *làm rõ Việt Nam nhận thức thế nào về tầm quan trọng của ASC? chuẩn bị ra sao trong tiến trình tham gia ASC?* và trên cơ sở giải đáp các câu hỏi trên, Luận văn sẽ đưa ra *một số khuyến nghị về biện pháp để Việt Nam tham gia ASC có hiệu quả hơn.*

Ngoài Lời nói đầu và Kết luận, bản luận văn sẽ gồm:

Chương 1: **Tiến trình xây dựng Cộng đồng An ninh ASEAN**, trong đó chủ yếu tìm hiểu quá trình hợp tác chính trị an ninh ASEAN, đi sâu phân tích lộ trình xây dựng ASC với các nhân tố khách quan và chủ quan.

Chương 2: **Việt Nam tham gia ASC**, tập trung nêu, phân tích nhận thức của Việt Nam về ASEAN nói chung và ASC nói riêng; mục tiêu, lợi ích của việc tham gia ASC; quá trình chuẩn bị, triển khai trên thực tế, đồng thời đánh giá khái quát việc tham gia ASC.

Chương 3: **Triển vọng của ASC và việc tham gia của Việt Nam** cùng một số khuyến nghị trong quá trình tham gia ASC thời gian tới.

## **6. Vấn đề chống khủng bố quốc tế trong quan hệ Nga - Mỹ sau Chiến tranh lạnh**

*Học viên: Tống Thị Hoài Hương*

Cặp quan hệ Nga- Mỹ là cặp quan hệ quan trọng trong đời sống quan hệ quốc tế, bởi đơn giản đây là quan hệ giữa hai nước lớn trong quan hệ quốc tế đương đại. Bên cạnh đó, vấn đề khủng bố quốc tế đã trở thành một vấn đề toàn cầu, nhức nhối và đe dọa nghiêm trọng đến tình hình an ninh thế giới. Bởi vậy, việc nghiên cứu cặp quan hệ Nga- Mỹ trong vấn đề chống khủng bố quốc tế là hết sức cần thiết

Chương I: Đề cập đến quan hệ Nga- Mỹ trong giai đoạn từ 1991 đến trước 11/9/2001. Sau chiến tranh lạnh, Mỹ trở thành siêu cường duy nhất, Mỹ tham vọng trở thành bá chủ thế giới. Nước Nga do sự yếu kém về kinh tế, sự sút giảm uy tín trên thế giới, nước Nga chủ trương đẩy mạnh quan hệ với các nước phương Tây, đặc biệt là Mỹ với mong muốn nhanh chóng khôi phục nền kinh tế nước Nga. Sau chiến tranh lạnh, chính sách hai mặt của Mỹ đối với Nga vẫn không hề thay đổi, Mỹ vừa hợp tác vừa kiềm chế Nga, không để Nga vươn lên đe dọa địa vị số 1 của Mỹ trên trường quốc tế.

Chương II: Tập trung nghiên cứu quan hệ Nga- Mỹ sau sự kiện 11/9/2001. Đây là mốc lịch sử quan trọng, lần đầu tiên kể từ khi lập quốc, nước Mỹ bị tấn công ngay

trên lãnh thổ của mình. Điều này tác động mạnh mẽ tới tư duy chống khủng bố quốc tế của các nhà lãnh đạo Mỹ. Chống khủng bố quốc tế trở thành nhiệm vụ hàng đầu trong mọi quyết sách của Mỹ sau sự kiện 11/9 xảy ra. Nga và Mỹ tuyên bố trở thành đồng minh của nhau, ủng hộ nhau về mọi mặt. Có thể nói, sự kiện 11/9 là chất xúc tác mạnh mẽ để Nga- Mỹ xích lại gần nhau hơn. Tuy nhiên cho dù Mỹ và Nga là đồng minh của nhau trên mặt trận chống khủng bố, chính sách hai mặt của Mỹ với Nga vẫn không thay đổi.

Trong chương III: Đưa ra một số nhận định về sự phát triển của khủng bố quốc tế, về khả năng chống khủng bố quốc tế của Nga và Mỹ và triển vọng quan hệ hai nước trên mặt trận chống khủng bố quốc tế trong thời gian tới. Vì chống khủng bố quốc tế là một cuộc chiến lâu dài, nên chắc chắn trong thời gian tới Nga và Mỹ vẫn sẽ tiếp tục hợp tác với nhau, tuy nhiên, do xuất phát từ lợi ích riêng của mỗi nước nên sẽ không tránh khỏi mâu thuẫn.

Quan hệ Nga- Mỹ là cặp quan hệ quan trọng và phức tạp, bởi đây là quan hệ giữa hai nước lớn. Vấn đề chống khủng bố quốc tế là vấn đề mà cả Nga và Mỹ đều quan tâm. Bởi vậy, vấn đề hợp tác vẫn tiếp tục trong thời gian tới. Tuy nhiên đây là vấn đề mang tính thời sự cao, nên việc nghiên cứu cần cập nhật thêm những sự kiện mới trong thời gian tới.

## **7. Ngoại giao kinh tế: Lý luận và Thực tiễn**

*Học viên: Đoàn Thu Ngân*

Sau Chiến tranh lạnh, nguy cơ xảy ra chiến tranh trên phạm vi toàn cầu là rất ít mặc dù đâu đó trên thế giới vẫn đang xảy ra những cuộc chiến tranh, xung đột cục bộ, diễn ra trên phạm vi quốc gia và khu vực. Nhìn chung, xu thế ứng xử của các quốc gia trong quan hệ quốc tế trong giai đoạn hiện nay là: hợp tác cùng phát triển. Hơn nữa, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hầu hết mọi quốc gia trên thế giới đều đặt mục tiêu phát triển kinh tế là ưu tiên hàng đầu. Mọi chính sách đối ngoại và đối nội của các quốc gia đều hướng tới mục tiêu phục vụ phát triển kinh



tế đất nước. Với những lý do đó, hoạt động ngoại giao kinh tế (NGKT) giữ một vai trò rất quan trọng. Đối với một nước đang phát triển như Việt Nam, hội nhập để phát triển kinh tế là một yêu cầu cấp thiết.

Về kết cấu của Luận văn, ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Luận văn gồm 03 chương:

- Chương I: Ngoại giao kinh tế và các vấn đề lý luận
- Chương II: Nhân tố kinh tế trong hoạt động ngoại giao trên thế giới
- Chương III: Hoạt động ngoại giao kinh tế của Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

Luận văn nêu và phân tích hoạt động ngoại giao kinh tế của các nước trên hai diễn đàn: đa phương và song phương. So với diễn đàn song phương, diễn đàn đa phương mang tính chất phức tạp hơn do tập hợp nhiều quốc gia nên dễ dẫn đến những xung đột lợi ích, đòi hỏi mỗi quốc gia phải thực hiện các hoạt động ngoại giao kinh tế một cách mềm dẻo, linh hoạt, trên tinh thần tích cực thỏa hiệp để đi tới thống nhất cùng đảm bảo lợi ích cho tất cả các bên.

Quá trình phát triển nhận thức về tầm quan trọng của ngoại giao kinh tế ở Việt Nam là một quá trình củng cố, nâng cao từng bước. Xét về quan hệ song phương, trong những năm qua những nỗ lực không nhỏ trong hoạt động ngoại giao đã góp phần quan trọng thúc đẩy mối quan hệ hợp tác kinh tế song phương của Việt Nam với các nước trên thế giới và trong khu vực, thể hiện thông qua các hiệp định thương mại, hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư... Xét về quan hệ đa phương, hoạt động NGKT của Việt Nam được tập trung phân tích tại hai diễn đàn lớn nhất toàn cầu là Liên Hợp Quốc và đặc biệt là Tổ chức Thương mại Thế giới – WTO. Trong quá trình vận động gia nhập WTO và ngay cả khi đã trở thành thành viên của tổ chức này, các nhà hoạt động ngoại giao và các nhà kinh

tế Việt Nam đã cùng phối hợp để đấu tranh bảo vệ lợi ích của đất nước trên các bàn đàm phán về các nội dung quan trọng trong WTO. Tóm lại, hoạt động NGKT đã tác động tích cực đến nền kinh tế Việt Nam theo hướng: khai thông, thiết lập và phát triển quan hệ của Việt Nam với các nước trên thế giới; nâng cao vai trò của Việt Nam tại các diễn đàn hợp tác đa phương; và thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển.

Nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động NGKT, luận văn nêu lên 07 giải pháp khuyến nghị; trong đó đặc biệt nhấn mạnh vào hai yếu tố: con người (độ ngũ cán bộ làm công tác NGKT) và công tác tổ chức, quản lý./.

## **8. Vấn đề Mi-an-ma” trong quan hệ của ASEAN với Mỹ và EU**

*Học viên: Phan Thị Minh Giang*

Là một tổ chức khu vực phát triển năng động, ASEAN từ lâu đã rất chú trọng đến việc thúc đẩy quan hệ hợp tác với các đối tác ngoài khu vực, đặc biệt là với các nước lớn. Nhưng, sau hơn 10 năm được kết nạp chính thức vào Hiệp hội, Mi-an-ma luôn là vấn đề đặt ra nhiều trở ngại đối với ASEAN trong quan hệ với các đối tác chính như Mỹ và EU.

Đối với Mỹ và EU, Mi-an-ma vi phạm dân chủ, nhân quyền, bất giữ tù nhân chính trị, cấm dân chúng đi lại, sử dụng lao động cưỡng bức... nên cần phải áp dụng biện pháp trừng phạt, cô lập, nhằm buộc Mi-an-ma thực hiện cải cách dân chủ. Đồng thời, các nước này cũng kêu gọi ASEAN gây sức ép đối với Mi-an-ma, thậm chí còn cô lập Mi-an-ma trong các quan hệ hợp tác với Hiệp hội. Trong khi đó, ASEAN, với nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ, cho rằng những vấn đề mà Mỹ và EU cáo buộc là vấn đề nội bộ của nước này, chỉ nên can dự chứ không cô lập.

Có thể nói, Mi-an-ma đã đặt ASEAN vào tình thế khó xử: làm thế nào để làm hài lòng Mỹ và EU, thực hiện thành công mục tiêu phát triển quan hệ với các đối tác chính này, mà vẫn tôn trọng vai trò thành viên của Mi-an-ma. Do đó, Luận văn tập trung nghiên cứu vấn đề Mi-an-ma trong quan hệ của ASEAN với Mỹ và EU nhằm

làm rõ vì sao xuất hiện “vấn đề Mi-an-ma”, thực chất của vấn đề này, tác động của nó đến quan hệ của ASEAN với Mỹ và EU, và từ đó đưa ra một số ý kiến về chính sách của Việt Nam trong quan hệ với Mi-an-ma.

Thực chất cái gọi là “vấn đề Mi-an-ma” là vấn đề nội bộ của nước này: sự thiếu công bằng xã hội, chính quyền sau bầu cử năm 1990 không có tính hợp pháp và quá trình hòa giải dân tộc kéo dài, nhưng đã được các nước phương Tây, chủ yếu Mỹ và EU nhìn nhận dưới góc độ dân chủ, nhân quyền nhằm yêu cầu chính quyền quân sự Mi-an-ma thực hiện dân chủ hóa theo kiểu của họ. Mặc dù “vấn đề Mi-an-ma” có ảnh hưởng không nhỏ đến quan hệ của ASEAN với Mỹ và EU, nhưng chưa dẫn đến khủng hoảng quan hệ do các bên có nhiều lợi ích ràng buộc. Hiện nay, chính quyền quân sự Mi-an-ma đang khẩn trương chuẩn bị cho cuộc tổng tuyển cử tự do vào năm 2010, và thực hiện lộ trình dân chủ nhằm mở đường cho quá trình hoà giải dân tộc thực sự; Mỹ và EU cũng bắt đầu có thái độ mềm mỏng hơn đối với Mi-an-ma. Tuy nhiên, vẫn còn khó dự đoán về những chuyển biến đáng kể thực sự tại Mi-an-ma trong thời gian tới. Là một thành viên của ASEAN và có mối quan hệ gần gũi với Mi-an-ma, Việt Nam luôn ủng hộ các nỗ lực của chính phủ nước này trong việc đối thoại với các bên liên quan để tìm ra giải pháp chính trị cho những vấn đề của họ, cũng như tán thành vai trò của Liên Hợp Quốc thông qua hoạt động của Đặc phái viên. Đây là thách thức, và cũng là cơ hội để Việt Nam khẳng định vị trí và tiếng nói của mình trong các vấn đề khu vực và quốc tế, qua đó góp phần vào việc thúc đẩy quan hệ của ASEAN với Mỹ và EU nói chung, và quan hệ của Việt Nam với hai chủ thể này nói riêng.

## **9. Vấn đề viện trợ trong chính sách của Mỹ đối với Châu Phi từ sau Chiến tranh lạnh đến nay**

*Học viên Quách Thanh Hằng*

Từ sau chiến tranh lạnh, Mỹ coi châu Phi là khu vực cần tăng cường ảnh hưởng với những lợi ích rõ ràng. Để thực hiện mưu đồ bá chủ toàn cầu, Mỹ không

thể bỏ qua bất kỳ một khu vực hay châu lục nào, đặc biệt Châu Phi nơi có vị trí địa chiến lược, nguồn tài nguyên khoáng sản dồi dào với một thị trường tiềm năng to lớn lại đang trở thành khu vực cạnh tranh ảnh hưởng của nhiều nước lớn trên thế giới. Bên cạnh đó, những vấn đề toàn cầu tại châu Phi như đói nghèo, dịch bệnh, thiên tai, chiến tranh, xung đột sắc tộc, khủng bố quốc tế... lại là những nguy cơ đe dọa đến an ninh, chiến lược toàn cầu của Mỹ. Tùy theo tình hình cụ thể, Mỹ đã nhiều lần điều chỉnh chiến lược đối với châu Phi, trong đó viện trợ trở thành một công cụ hữu hiệu giúp Mỹ thực hiện chiến lược toàn cầu. Đây cũng là dịp để tác giả có cơ hội góp một phần nhỏ bé vào việc tìm hiểu và phân tích sâu rộng hơn đề tài này: “*Vấn đề viện trợ trong chính sách của Mỹ đối với châu Phi từ sau chiến tranh lạnh đến nay*”. Đề tài được chia làm 3 chương cụ thể là:

Chương 1: Nêu một cách khái quát vị trí, tầm quan trọng của châu Phi đối với Mỹ, những lợi ích của Mỹ tại châu Phi và sự cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn tại châu lục đen, từ đó đưa ra tổng quan chính sách của Mỹ đối với châu Phi kể từ sau chiến tranh lạnh đến nay qua các thời kỳ Bush I (cha), Bill Clinton, Bush II (con) và Barack Obama.

Chương 2: Đây là chương chính của luận văn. Chương này đề cập đến những quan điểm, chính sách viện trợ của Mỹ và quá trình triển khai trên thực tế chính sách viện trợ của Mỹ đối với châu Phi từ khi chiến tranh lạnh kết thúc đến nay qua các chính quyền Bush I (cha), Bill Clinton và Bush II (con).

Chương 3: Luận văn nêu ra những đánh giá chung về chính sách viện trợ của Mỹ đối với châu Phi từ sau chiến tranh lạnh đến nay, đồng thời đưa ra những nhận định về khả năng có thể làm tác động đến sự thay đổi chính sách viện trợ của Mỹ cho châu Phi trong tương lai.

Với tư cách là một công trình nghiên cứu tổng thể về *Vấn đề viện trợ trong chính sách của Mỹ đối với châu Phi từ sau chiến tranh lạnh đến nay*, tác giả đề tài hy vọng sẽ mang lại cho người đọc những thông tin bổ ích và bức tranh toàn diện về

vấn đề này.

## **10. Quan hệ liên bang Nga - Ấn Độ trong những năm đầu thế kỷ XXI**

*Học viên: Đào Xuân Hào Giang*

Liên bang Nga và Ấn Độ là hai cường quốc về diện tích, dân số, quốc phòng, có vị trí địa lý quan trọng, đồng thời có tốc độ kinh tế phát triển mạnh mẽ trong thế kỷ XXI. Quan hệ Nga- Ấn đang có những tiến triển mới về chất, có tác động không nhỏ tới tình hình an ninh, chính trị, ngoại giao và kinh tế trên thế giới cũng như trong khu vực châu Á. Là một nước nằm trong khu vực châu Á- Thái Bình Dương, Việt Nam chịu tác động trực tiếp từ những thay đổi về an ninh, chính trị và kinh tế của khu vực, đặc biệt những chuyển động trong quan hệ giữa các lớn nước như Nga và Ấn Độ. Cho tới nay, chưa có một công trình nghiên cứu nào phân tích cụ thể về quan hệ song phương giữa hai nước trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, quan hệ Nga- Ấn vẫn còn là đề tài mới mẻ và cần thiết tại Việt Nam.

Quan hệ hợp tác liên kết là một hiện tượng đang vận động. Do vậy, quan hệ giữa hai nước sẽ được tiếp cận dưới góc độ những gì đã, đang diễn ra và triển vọng trong tương lai. Nga và Ấn Độ đã duy trì quan hệ chiến lược gần gũi trong phần lớn thời kỳ chiến tranh lạnh. Bước sang thế kỷ XXI, mối quan hệ này chịu tác động bởi rất nhiều yếu tố như tình hình an ninh, chính trị thế giới, sự điều chỉnh trong quan hệ giữa các nước lớn, tình hình lực lượng và thực lực hai nước... Quá trình hợp tác của hai nước trong một thập kỷ trở lại diễn ra trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, ngoại giao, quan hệ an ninh, quân sự, quan hệ kinh tế cho tới khoa học-công nghệ. Bên cạnh những mặt tích cực, Nga và Ấn Độ vẫn còn những điểm yếu kém trong quan hệ hợp tác, đặc biệt là hợp tác kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước. Đối tác chiến lược là mô hình quan hệ Nga- Ấn trong thời điểm hiện nay. Tuy nhiên, về mặt lý luận, đây không phải là mô hình lựa chọn duy nhất trong quan hệ Nga- Ấn. Trong tương lai quan hệ Nga- Ấn có khả năng xảy ra 05 mô hình: [1] Liên minh chiến lược [2] Hợp tác chiến lược [3] Quốc gia hữu nghị [4] Quốc gia lạnh nhạt [5]

Đối thủ chiến lược./.

## 11. Chính sách chống phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt của Mỹ sau sự kiện 11/9/2001

*Học viên: Nguyễn Thị Hương*

Việc Mỹ ném 2 quả bom nguyên tử "Little Boy" và "Fat Man" xuống Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản đã mở đầu cho thời kỳ phát triển mạnh mẽ các loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt. Trong Chiến tranh lạnh, các cường quốc chạy đua găt gao nhằm tìm kiếm ưu thế vượt trội về hạt nhân so với đối thủ của mình. Bên cạnh đó, họ cũng nỗ lực không ngừng để ký kết hàng loạt các hiệp ước, công ước, thành lập các thiết chế liên quan tới mục đích kiểm soát, ngăn chặn phổ biến các loại vũ khí huỷ diệt mà thực chất là nhằm duy trì vị trí độc tôn của họ.

Chiến tranh lạnh kết thúc, Liên Xô tan rã, Mỹ không còn mối đe dọa để phải tiếp tục tiến hành chạy đua vũ trang, phải chống việc phổ biến vũ khí hạt nhân. Tuy nhiên, cho đến nay không chỉ có Mỹ, mà cả thế giới vẫn tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động chống phổ biến vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt khác, đặc biệt từ sau vụ khủng bố 11/9/2001. Với hy vọng góp phần làm sáng tỏ chính sách đối ngoại của Mỹ trên lĩnh vực chống phổ biến vũ khí huỷ diệt và để đóng góp cho công tác nghiên cứu về các chính sách của Mỹ trong quan hệ quốc tế, dùng làm một tài liệu tham khảo cho các sinh viên ngoại giao theo học chuyên đề Mỹ và những người quan tâm, tìm hiểu về nước Mỹ, tác giả đã chọn đề tài "***Chính sách chống phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt của Mỹ sau sự kiện 11/9/2001***" làm đề tài Luận văn tốt nghiệp.

Sự kiện 11/9/2001 cho thấy mục tiêu cụ thể của lực lượng khủng bố là gây ra những tổn thất lớn về sinh mạng của người dân, về cơ sở vật chất của xã hội và nền kinh tế. Những mất mát này sẽ trở nên nghiêm trọng hơn gấp bội nếu những kẻ khủng bố có được và sử dụng vũ khí huỷ diệt, đặc biệt trong bối cảnh khả năng các nước "bất hảo", các tổ chức khủng bố tiếp cận cũng như có được những vũ khí này trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Chính vì vậy, vấn đề chống phổ biến WMD ngày

càng đóng vai trò quan trọng hơn trong tổng thể chính sách của Mỹ, buộc họ phải có những chính sách mới, cụ thể hơn chứ không chỉ là một phần trong chiến lược an ninh quốc gia như giai đoạn trước. Nhận thức được điều đó, Mỹ đã đề ra Chiến lược quốc gia chống phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt, với một số điều chỉnh quan trọng và có tính chất định hướng các hoạt động chống phổ biến WMD, với ba biện pháp trụ cột là: ***chống phổ biến, không phổ biến và giải quyết hậu quả khi bị tấn công bằng WMD.***

Nhìn một cách tổng thể, chính quyền Bush đã có chính sách khá toàn diện đối với vấn đề phổ biến WMD. Bằng cách kêu gọi toàn nhân loại chung tay chống phổ biến WMD, tích cực khởi xướng hàng loạt chính sách, sáng kiến, hỗ trợ các quốc gia khác hay kiện toàn các cơ chế chống phổ biến hiện có, Mỹ đã tự nhận mình là “một người bảo vệ công lý,” một nhà lãnh đạo trong cuộc chiến chống lại sự phổ biến vũ khí huỷ diệt. Song xét trên một khía cạnh khác, chính sách chống phổ biến WMD không chỉ đơn giản được đưa ra để bảo vệ và ngăn chặn Mỹ cũng như thế giới khỏi thảm hoạ WMD, mà hơn thế, mục đích của chúng là nhằm nâng cao uy tín, vị thế cũng như tìm kiếm sự ủng hộ nhiều hơn của thế giới và dư luận đối với những quyết sách, hành động của Mỹ để từ đó dần xác lập vị trí lãnh đạo của Mỹ trên trường quốc tế. Bên cạnh đó, bằng cách này hay cách khác, chính sách chống phổ biến WMD tiếp tục là cách thức để Mỹ duy trì ưu thế của mình về vũ khí hạt nhân và các vũ khí huỷ diệt khác so với các quốc gia khác. Tuy nhiên, kết quả của các chính sách không được như những gì Mỹ mong muốn, thậm chí nó còn mang đến một số hệ quả tiêu cực cho nước Mỹ nói riêng và quan hệ quốc tế nói chung./.

## **12. Viện trợ phát triển (ODA) trong quan hệ Việt - Mỹ từ sau khi bình thường hoá quan quan hệ đến nay**

*Học viên: Nguyễn Thị Hiệp*

Bắt đầu từ năm 1986, Việt Nam bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới, đưa đất nước chuyển sang giai đoạn phát triển mới với đường lối đối ngoại chủ động mở rộng quan hệ với hầu hết các nước, trên tinh thần Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, vì hoà bình, độc lập hợp tác và phát triển. Một trong những quan hệ quan trọng hàng đầu mà chúng ta phải tính đến trong quá trình hội nhập với cộng đồng quốc tế trong thời kỳ này là mối quan hệ với Mỹ - một trong những cường quốc hàng đầu, có vai trò chủ đạo trong tiến trình phát triển của thế giới đương đại.

Thắng lợi của công cuộc đổi mới toàn diện và chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá đã làm cho thế và lực của Việt Nam ngày càng được tăng cường mạnh mẽ, trở thành một trong những yếu tố mà Mỹ không thể bỏ qua khi thực hiện chính sách kinh tế và an ninh đối với khu vực châu Á-Thái Bình Dương nói chung, Đông Nam Á nói riêng. Mặt khác, xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển ở khu vực Đông Nam Á và châu Á đã trở thành xu thế không thể đảo ngược; các nước phát triển và ASEAN hưởng ứng chính sách đối ngoại rộng mở của Việt Nam, tăng cường quan hệ với Việt Nam. Các yếu tố trên đã buộc Mỹ phải có một cái nhìn mới đối với Việt Nam. Trên cơ sở đó, từ 1991, quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ đã có những bước phát triển mới.

Ngày 11-7-1995, Mỹ đã bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Lịch sử quan hệ giữa hai nước đã bước sang một trang mới. Kể từ đó quan hệ buôn bán và đầu tư giữa Việt Nam và Mỹ đã đạt được nhiều kết quả, đặc biệt Mỹ đã hỗ trợ Việt Nam những khoản viện trợ phát triển (ODA) đáng kể. Hiện nay Việt Nam và Mỹ vẫn đang tiếp tục xây dựng, củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ song phương trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi. Vậy, điều gì làm cho quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ từ 1995 đến nay có bước phát triển đặc biệt như thế? Việc mở rộng và hợp tác với Mỹ có giúp gì cho công cuộc phát triển của Việt Nam hiện nay? Những thách thức tồn tại? Và chúng ta có thể rút ra được những bài học gì? Đây là



những vấn đề vừa mang tính thực tiễn, cấp thiết vừa hàm chứa những nội dung khoa học, đòi hỏi có sự đầu tư và nghiên cứu một cách cẩn trọng. Bởi vì, nếu giải đáp được một cách khách quan những câu hỏi đó chắc chắn sẽ góp phần giải quyết có hiệu quả vấn đề sử dụng và kêu gọi nguồn vốn viện trợ. Đồng thời, trên cơ sở đó góp phần tiếp tục đẩy mạnh sự phát triển quan hệ Việt Nam – Mỹ trong thế kỷ XXI.

Từ xuất phát điểm như vậy, chúng tôi đã chọn nghiên cứu vấn đề *Viện trợ phát triển (ODA) trong quan hệ Việt- Mỹ từ sau khi bình thường hoá quan hệ đến nay*. Đề tài gồm 3 phần chính: Chương I: Tổng quan về quan hệ Việt-Mỹ; Chương II: Viện trợ phát triển của Mỹ từ sau bình thường hóa quan hệ đến nay; và Chương III: Một vài nhận xét về viện trợ phát triển của Mỹ cho Việt Nam và triển vọng trong thời gian tới.

### **13. Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng ở Châu Phi và những tác động**

*Học viên Phạm Thị Lan Hương*

Nhiều thế kỷ qua, châu Phi được biết đến là tâm điểm của đói nghèo, bệnh tật, xung đột, bạo lực, có mức sống thấp nhất so với các châu lục khác. Đến cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, châu Phi lại nổi lên là một khu vực nhận được nhiều sự quan tâm của các nước lớn trên thế giới. Vậy, các nước lớn tăng cường sự hiện diện và hợp tác với các nước châu Phi là để giúp đỡ các nước châu Phi thoát khỏi cảnh đói nghèo và lạc hậu, nâng cao dân chủ, nhân quyền hay chỉ là những tính toán riêng về mặt lợi ích.

Về mặt địa lý, châu Phi là địa bàn xa xôi với Trung Quốc. Trong những thập niên 1970 và 1980 của thế kỷ XX, châu Phi không phải là địa bàn truyền thống trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Nhưng đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc lại coi trọng, thúc đẩy quan hệ với châu Phi, ban hành “***văn kiện chính sách đối với châu Phi***”, thiết lập khuôn khổ “*quan hệ đối tác chiến lược kiểu mới*”. Các nước lớn đều đánh giá việc Trung Quốc có chính sách đối với khu vực châu Phi đã thể hiện tham vọng toàn cầu, không chỉ bó hẹp ở phạm vi Đông Nam Á mà vươn rộng đến

lục địa đen xa xôi. Vì thế, việc nghiên cứu Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng tại châu Phi sẽ góp phần nghiên cứu toàn diện hơn chính sách đối ngoại của Trung Quốc, để từ đó thấy được những lợi ích, nhu cầu cũng như động cơ của Trung Quốc tại châu Phi, đồng thời hiểu được bản chất chính sách của Trung Quốc tại châu Phi? và những hệ lụy của nó.

Bước sang thế kỷ XXI, lợi ích về chính trị, kinh tế và văn hoá, đặc biệt là nhu cầu về năng lượng đối với Trung Quốc ngày càng gia tăng và trở thành vấn đề cấp thiết buộc Trung Quốc phải tìm đến các khu vực xa xôi giàu tài nguyên nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế. Với lối tư duy đó, Trung Quốc đã tìm đến châu Phi - lục địa đáp ứng được nhu cầu về năng lượng, thị trường... Mặt khác, châu Phi ấn tượng với mô hình phát triển của Trung Quốc, sẵn sàng mời chào doanh nghiệp Trung Quốc đến thị trường châu Phi. Trên cơ sở đó, quan hệ giữa hai bên phát triển nhanh và tốt đẹp. Năm 2006, Trung Quốc thiết lập “*quan hệ đối tác chiến lược kiểu mới*” với châu Phi, trước đó không lâu, còn ban hành văn kiện “*chính sách đối với châu Phi*”.

Văn kiện cụ thể hoá các lĩnh vực hợp tác, đưa ra nhiều biện pháp thực hiện, đem lại thành quả lớn cho Trung Quốc và châu Phi. Bên cạnh mặt thuận lợi, chính sách mở rộng gặp không ít thách thức, đó là xu hướng phản đối sự hiện diện của Trung Quốc trong dư luận châu Phi ngày càng tăng lên. Vị thế tương đối thấp của châu Phi trong tính toán chiến lược đối ngoại chung của Trung Quốc. Ngoài ra, việc Trung Quốc tăng cường đầu tư cho các quốc gia bất ổn ở châu Phi làm gia tăng tính cạnh tranh với các nước lớn khác cũng như phá vỡ tính cân đối, phát triển bền vững, huỷ hoại các nỗ lực chống đói nghèo ở khu vực...

Trung Quốc hiện xem châu Phi là cái mỏ quan trọng cung cấp nguồn năng lượng và là thị trường tiêu thụ hàng hoá rộng lớn trong hiện nay và ngay cả trong tương lai. Vì thế, Trung Quốc tăng cường trao đổi thương mại, thúc đẩy đầu tư và viện trợ đối với các nước châu Phi, nâng cao ảnh hưởng về kinh tế, đương nhiên kéo theo ảnh hưởng về chính trị, an ninh, từ đó tạo ra lợi thế ở châu Phi. Về dài hạn, việc

Trung Quốc chỉ chú trọng đầu tư trong lĩnh vực hợp tác tài nguyên, mà không chú trọng cải thiện nền chính trị, dân chủ hay phát triển bền vững cho các nước châu Phi, thậm chí còn ủng hộ và tích cực đầu tư cho các quốc gia bất ổn tại đây làm cho tình hình các nước châu Phi càng bất ổn hơn, phá vỡ tính bền vững và gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.. Hoạt động mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc cũng làm xói mòn nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế tại châu Phi...Những điều này sẽ tác động không tốt đến quan hệ Trung Quốc - châu Phi trong tương lai.

Việc Trung Quốc không chỉ mở rộng ảnh hưởng ở Đông Nam Á, mà còn vươn “bàn tay” đến các lục địa xa xôi như châu Phi, Mỹ La tinh đã phần nào thể hiện tham vọng cường quốc toàn cầu của mình. Việc này sẽ va chạm với chiến lược toàn cầu của Mỹ, dẫn đến làm nóng lên cuộc cạnh tranh giữa các cường quốc tại “lục địa đen”.

Tóm lại, qua phân tích và đánh giá chính sách mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc tại châu Phi, tác giả thấy rằng bản chất việc mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc tại “lục địa đen” không phải là nhằm mong muốn giúp đỡ các nước châu Phi thoát khỏi cảnh đói nghèo và lạc hậu, nâng cao nhân quyền, mà chính là tìm kiếm thị trường, khai thác tài nguyên, tìm kiếm đồng minh, nhưng chính xác hơn là tìm một vùng đất để thực hiện tham vọng nước lớn của mình. Điều này có giống với khái niệm “chủ nghĩa thực dân mới” mà phương Tây thường chỉ trích đối với hành động của Trung Quốc tại châu Phi hay không? Theo tác giả, điều này cần phải xem xét và kiểm chứng bằng thực tiễn trong tương lai.

#### **14. Cạnh tranh ảnh hưởng của Nga và Mỹ tại khu vực Trung Á sau Chiến tranh lạnh**

*Học viên: Nguyễn Diệu Linh*

Luận văn này bước đầu tìm hiểu, phân tích, làm rõ những lợi ích của Mỹ và Nga tại Trung Á, từ đó đi vào phân tích sự cạnh tranh của hai cường quốc này ở Trung Á đã diễn ra như thế nào trên các lĩnh vực chính trị, an ninh, kinh tế. Bên cạnh đó, tác giả

cũng đã đánh giá những tác động của cuộc cạnh tranh đó tới khu vực Trung Á cũng như xu hướng của cuộc cạnh tranh.

Khối xã hội chủ nghĩa Liên Xô - Đông Âu sụp đổ, Liên bang Xô Viết giải thể, 15 nước cộng hoà trong đó có năm nước Trung Á trở thành các quốc gia độc lập. Khu vực này trong môi trường an ninh hậu Chiến tranh Lạnh với vị trí địa chiến lược ngày càng trở nên quan trọng cùng với nguồn tài nguyên dầu khí phong phú đã nhanh chóng trở thành tâm điểm chú ý của nhiều cường quốc như Mỹ, Nga, Trung Quốc, EU... Sau sự kiện 11/9, Trung Á chứng kiến nhiều thay đổi với sự xuất hiện của một số nhân tố và động thái mới. Lần đầu tiên Mỹ có mặt tại “sân sau của Nga”, và có ý đồ ở lại lâu dài trong khu vực khi mục tiêu lật đổ chế độ Taliban đã hoàn tất. Tiếp theo đó, các cuộc ‘cách mạng màu’ lan rộng, các lãnh đạo mới lên nắm quyền có xu hướng thân phương Tây và bài Nga. Cạnh tranh Mỹ - Nga diễn ra khá gay gắt. Tuy nhiên, Nga vẫn giữ được ưu thế ảnh hưởng về an ninh chính trị thông qua các tổ chức Nga tham gia và nắm phần chủ đạo. Cạnh tranh về nguồn dầu khí sẽ ngày càng ‘nóng’ trong việc chia thị phần. Mỹ phần nào phá được thế độc quyền về dầu khí của Nga tại khu vực.

Do đó, kết cấu luận văn gồm 3 chương:

Chương I - Lợi ích của Mỹ và Nga tại khu vực Trung Á: Chương này tác giả nêu một cách khái quát bức tranh Trung Á về đặc điểm lịch sử, vị trí địa chính trị, văn hoá, tôn giáo, sắc tộc và phân tích lợi ích của Mỹ và Nga ở khu vực.

Chương II - Cạnh tranh ảnh hưởng của Mỹ và Nga tại khu vực Trung Á sau Chiến tranh Lạnh: Chương này tác giả tập trung đề cập chính sách của Mỹ và Nga đối với khu vực Trung Á từ sau Chiến tranh Lạnh, từ đó rút ra các mặt cạnh tranh giữa Mỹ và Nga trên các mặt chính trị, an ninh và kinh tế.

Chương III – Các kịch bản và tác động: Trên cơ sở phân tích các nhân tố tác động, các điểm đồng và mâu thuẫn lợi ích giữa Mỹ và Nga, tác giả đưa ra nhận định và dự báo chiều hướng cạnh tranh giữa Mỹ và Nga cũng như tác động của sự cạnh tranh này đối với khu vực Trung Á.

Mối quan hệ gắn bó về địa chính trị, kinh tế của các nước Trung Á với Nga có nhiều ràng buộc không thể một sớm một chiều Mỹ có thể lôi kéo Trung Á tạo đối trọng với Nga. Ngược lại, Nga cũng không thể chỉ huy các nước làm theo mệnh lệnh của Nga ngăn chặn ảnh hưởng của Mỹ. Các cụm quyền lực khác cũng không muốn một lực lượng duy nhất có mặt ở khu vực.

## **15. Quan hệ đối tác chiến lược Việt – Nga: thực trạng và triển vọng**

*Học viên: Bùi Thị Thuý Nga*

Quan hệ Việt Nam –Liên bang Nga là một trong những mối quan hệ lâu dài và quan trọng nhất của Việt Nam trong khi thực hiện chính sách đối ngoại của mình, kể từ khi thành lập nước đến nay. Liên Xô mà Liên bang Nga là nước kế thừa, là một trong những quốc gia đầu tiên công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Trong suốt những năm Việt Nam tiến hành cuộc chiến tranh kháng chiến cứu nước và xây dựng CNXH, Liên Xô đã giúp đỡ Việt Nam rất nhiều cả về vật chất và sự ủng hộ to lớn trên trường quốc tế.

Sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga kế thừa Liên Xô tiếp tục phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với Việt Nam, với mốc quan trọng là “Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản của quan hệ giữa Liên Bang Nga và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” năm 1994. Quan hệ Việt – Nga chuyển sang giai đoạn mới, vừa kế thừa tiếp nối quan hệ Xô – Việt, vừa có những thay đổi về chất.

Nghiên cứu toàn diện mối quan hệ Việt – Nga kể từ khi hình thành đến nay (tính từ năm 1991) để thấy được thực chất sự vận động và phát triển, những vấn đề đặt ra hiện nay và triển vọng của nó có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Những kết luận rút ra từ quá trình nghiên cứu sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hợp tác chiến lược Việt – Nga, làm phong phú thêm nguồn tư liệu nghiên cứu, tư liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo cho những độc giả quan tâm. Với lý do đó, tác giả chọn đề tài “ Quan hệ đối tác chiến lược Việt – Nga: thực trạng và triển vọng” làm luận văn thạc sĩ

chuyên ngành quan hệ quốc tế.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn có 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở hình thành quan hệ đối tác chiến lược Việt – Nga. Chương này trình bày những yếu tố lịch sử tạo nên quan hệ Việt - Nga, tiếp đó phân tích sự cần thiết để phát triển mối quan hệ hai nước lên tầm đối tác chiến lược thông qua bối cảnh quốc tế và khu vực, chỉ ra những tính toán lợi ích trong chính sách đối ngoại của mỗi bên.

Chương 2: Thực trạng và những đặc điểm chính của quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga. Luận văn tập trung nêu và phân tích quá trình triển khai quan hệ Việt - Nga, đánh giá thực chất mối quan hệ này trên nhiều khía cạnh, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh quốc phòng, kinh tế thương mại - đầu tư, văn hoá, giáo dục và khoa học công nghệ.

Chương 3: Triển vọng của quan hệ đối tác chiến lược Việt – Nga, đưa ra những dự báo chiều hướng phát triển, cải thiện quan hệ hợp tác nhiều mặt, tạo dựng khuôn khổ quan hệ hợp tác ổn định, lâu dài và khắc phục những vấn đề tồn tại trong quan hệ đối tác giữa Việt Nam và Liên Bang Nga.

## **16. ASEAN trong quan hệ Mỹ - Trung từ sau Chiến tranh lạnh đến nay**

*Học viên: Hoàng Đình Nhàn*

Chiến tranh lạnh kết thúc là cơ hội để các nước ASEAN vươn lên thành một thực thể chính trị độc lập có khả năng tạo dựng một trật tự khu vực mới, có vai trò đầu tàu trong Diễn đàn an ninh khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị sau Hội nghị bộ trưởng ASEAN (PMC) và Hội nghị hợp tác Á-Âu (ASEM)... ASEAN ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực. Vị thế mới của ASEAN sau chiến tranh lạnh cùng với những giá trị về mặt địa chính trị, địa kinh tế của các nước ASEAN khiến ASEAN ngày càng trở nên quan trọng trong chiến lược của nhiều nước, trở thành nơi cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn và ảnh hưởng trực tiếp tới nhiều mối quan hệ, đặc biệt là quan hệ Mỹ-Trung.

Chương I của luận văn tập trung phân tích, làm rõ những nhân tố kiến tạo nên vai trò của ASEAN trong quan hệ Mỹ - Trung. Đề tài trình bày những nhân tố cơ bản, trước hết là vị trí - địa chiến lược khu vực Đông Nam Á trong chiến lược của các nước lớn. Đông Nam Á là nơi án ngữ nhiều trục giao thông quan trọng, là nơi có hầu hết các loại tài nguyên thiên nhiên trên thế giới cả Mỹ và Trung Quốc đều cần đến... Đông Nam Á là khu vực có hầu hết các nước đều là thành viên ASEAN. Sau chiến tranh lạnh, bối cảnh quốc tế và khu vực có những thay đổi rõ rệt, cục diện đối đầu giữa hai cực không còn, thay vào đó là xu thế chuyển từ hai cực sang đa cực, quan hệ Mỹ - Trung Quốc trở nên phức tạp hơn, hợp tác và kiềm chế lẫn nhau là đặc trưng nổi bật, sự tùy thuộc lẫn nhau ngày càng gia tăng..., chính những đặc điểm này khiến cho vị thế của các nước vừa và nhỏ - điển hình là ASEAN ngày càng được nâng lên, họ không còn là những “diễn viên” thụ động trên sân khấu chính trị mà trở thành một yếu tố quan trọng đòi hỏi các nước lớn phải tính đến trong quá trình hoạch định chính sách của mình. Ngoài ra, lợi ích mà ASEAN mang lại cho Mỹ và Trung Quốc, thái độ của ASEAN đối với Mỹ và Trung Quốc cũng như ý đồ của hai nước đối với nhau ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương và Đông Nam Á trở thành những nhân tố quan trọng kiến tạo nên vai trò của ASEAN trong quan hệ Mỹ - Trung.

Chương II là chương trọng tâm của luận văn, trong chương này, tác giả khái quát về quan hệ Mỹ - Trung sau chiến tranh lạnh, thông qua đó chỉ rõ đặc điểm hợp tác và cạnh tranh trong quan hệ Mỹ - Trung. Trong đó, đặc điểm cạnh tranh trong quan hệ Mỹ - Trung nổi lên rõ nét nhất, thực chất của cạnh tranh Mỹ - Trung là do một bên luôn mong muốn trở thành cường quốc lãnh đạo ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiến tới lãnh đạo thế giới, một bên luôn lo ngại địa vị siêu cường của mình bị thách thức. Bởi vậy, hai nước không ngừng cạnh tranh, bao vây kiềm chế lẫn nhau trên mọi phương diện, lôi kéo nhiều vùng lãnh thổ và quốc gia trên thế giới vào “cuộc chơi” này, trong đó ASEAN là một minh chứng thuyết phục nhất. Vai trò

của ASEAN trong cạnh tranh Mỹ - Trung được thể hiện trên nhiều khía cạnh, đặc biệt là ở việc sử dụng, lôi kéo ASEAN trong chiến lược bao vây kiềm chế Trung Quốc của Mỹ; ngược lại, đối với Trung Quốc, ASEAN là đột phá khâu quan trọng để Trung Quốc tranh giành ảnh hưởng và phá thế bao vây kiềm chế của Mỹ. Để thực hiện thành công chiến lược này, Mỹ đẩy mạnh các cơ chế hợp tác song phương với từng nước ASEAN, đặc biệt là trên lĩnh vực quân sự, lấy lý do “chống khủng bố” để tăng cường sự hiện diện của Mỹ ở khu vực...; trong khi đó, Trung Quốc tăng cường các cơ chế hợp tác đa phương trên cơ sở coi trọng các mối quan hệ song phương nhằm xác lập ảnh hưởng “mềm” của Trung Quốc ở ASEAN, dần đưa các nước ASEAN ngã theo Trung Quốc, phục vụ ý đồ của Trung Quốc. Trên cơ sở những phân tích lý giải đó, cuối chương II, tác giả đã đánh giá lại vai trò của ASEAN trong hợp tác và cạnh tranh Mỹ - Trung để có cách nhìn nhận tổng thể, hoàn chỉnh hơn.

Trên cơ sở nội dung đã trình bày ở chương II, trong chương III, tác giả dự báo những khả năng thay đổi của quan hệ Mỹ - Trung, từ đó dự báo vai trò mới của ASEAN trong quan hệ Mỹ - Trung và những thách thức đặt ra đối với ASEAN. Ngoài ra, tác giả cũng đề cập đến vai trò của Việt Nam đặt trong tổng thể vai trò của ASEAN trong quan hệ Mỹ - Trung, những thách thức đối với Việt Nam trong trường hợp cạnh tranh Mỹ - Trung trở thành xung đột, đưa ra một số khuyến nghị nhằm góp phần giữ cân bằng, tăng cường hợp tác, cùng phát triển quan hệ đồng thời tranh thủ, tận dụng được cả Mỹ và Trung Quốc phục vụ cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước./.

## **17. Ngoại giao đa phương Việt nam trong thời kỳ đổi mới**

*Học viên: Nguyễn Ngọc Minh*

Tiến trình toàn cầu hóa cùng với chủ nghĩa đa phương và chủ nghĩa khu vực ngày nay cũng đang có những biến chuyển sâu sắc cũng với những bước phát triển trên các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, quân sự... Sau hơn 20 năm Đổi mới, hoạt động ngoại giao đa phương của Việt Nam ngày càng được mở rộng và đạt được



những thành tựu rõ rệt. Việt Nam đã tham gia và tăng cường mối quan hệ với một số tổ chức đa phương chủ chốt như Liên hợp quốc (UN), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM)... Trên tiến trình hội nhập quốc tế đó, việc nghiên cứu, phân tích và tổng hợp để tìm ra những biện pháp thúc đẩy ngoại giao đa phương của Việt Nam là vô cùng quan trọng, góp phần xây dựng đường lối, chính sách đối ngoại đúng đắn nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Luận văn bao gồm 3 chương:

Chương I đề cập tới những vấn đề lý thuyết về ngoại giao đa phương nói chung trong quan hệ quốc tế. Nội dung chương I nhằm giới thiệu ba mục chính: Khái niệm về Ngoại giao đa phương và quá trình hình thành của nó trong quan hệ quốc tế, mục đích cũng như triển vọng của ngoại giao đa phương.

Chương II: Chủ yếu tập trung vào Chính sách ngoại giao của Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới và các hoạt động của ngoại giao đa phương Việt Nam từ khi Đổi mới tới nay (bình thường hóa và thiết lập quan hệ với các tổ chức, diễn đàn quốc tế, khu vực chủ chốt).

Chương III: Đưa ra những tổng kết về thành tựu, hạn chế và đưa ra một số suy nghĩ cá nhân về phương hướng hoạt động của ngoại giao đa phương trong thời gian tới nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả ngoại giao đa phương.

Như vậy có thể thấy, công cuộc Đổi mới phát triển đất nước, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại đã giúp Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào các tổ chức, diễn đàn đa phương, tham gia vào hội nhập quốc tế ngày càng sâu sắc. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, ngoại giao đa phương Việt Nam vẫn còn những mặt hạn chế, vì vậy vẫn phải tiếp tục học hỏi kinh nghiệm của những nước đi trước, tiếp tục nghiên cứu nhằm đưa ra các giải pháp đưa quan hệ của Việt Nam với các tổ chức cũng như các nước đi vào chiều sâu, góp phần phát triển đất nước hơn nữa trên tất cả các lĩnh vực.

Việc nghiên cứu quá trình ngoại giao đa phương của Việt Nam với các tổ chức, diễn đàn quốc tế theo đường lối đổi mới của Đảng là rất cần thiết, vừa mang ý nghĩa khoa học, vừa có giá trị thực tiễn sâu sắc, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi Việt Nam đang phấn đấu để tiếp tục hội nhập sâu hơn, gia nhập vào các tổ chức quốc tế có tiếng nói hơn trên trường quốc tế.

## **18. Chính sách của Mỹ đối với Mỹ La Tinh tác động tới phong trào cánh tả khu vực sau Chiến tranh lạnh**

*Học viên: Trịnh Quân*

Mỹ Latinh là khu vực địa lý trải dài từ Mexico ở Bắc Mỹ xuống hết Nam Mỹ. Thời kỳ Chiến tranh lạnh, Phong trào cánh tả Mỹ Latinh đấu tranh chống lại chính sách thù địch của Mỹ quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực, là một trong những nhân tố quan trọng được Mỹ tính đến khi hoạch định chính sách. Tuy nhiên, do chênh lệch về so sánh lực lượng, Mỹ đã dần kiểm chế được sự phát triển Phong trào.

Từ sau Chiến tranh lạnh, Mỹ Latinh có phần bị Mỹ “lãng quên”, không còn là một trong những ưu tiên chính sách của Mỹ. Đây chính là cơ hội để Phong trào cánh tả Mỹ Latinh một lần nữa trở lại, đỉnh điểm là từ năm 2006 hình thành một nhóm khoảng 16 nước có chính quyền thiên tả, có cùng quyết tâm liên kết chống lại ảnh hưởng của Mỹ. Vì vậy, từ giữa nhiệm kỳ 2 của Tổng thống W. Bush, Mỹ buộc phải tìm cách tăng cường ảnh hưởng trở lại ở Mỹ Latinh với mục tiêu chính vẫn là kiểm chế và phá hoại Phong trào cánh tả. Do đó, chính sách của Mỹ đối với Mỹ Latinh nhằm phá hoại Phong trào cánh tả khu vực vẫn là biến số và là một trong những thách thức lớn nhất, ảnh hưởng trực tiếp và sống còn đối với sự phát triển của Phong trào.

Việt Nam và các nước cánh tả Mỹ Latinh có nhiều nét tương đồng về chính trị. Nếu nắm rõ xu hướng phát triển của Phong trào cánh tả Mỹ Latinh thì Việt Nam có thể tận dụng rất nhiều cơ hội đến từ khu vực này, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Có thể khẳng định việc nghiên cứu về Phong trào cánh tả

Mỹ Latinh ở Việt Nam là cần thiết, trong đó phải tập trung vào những thách thức đối với Phong trào và xu hướng phát triển của Phong trào, nhất là nhân tố can thiệp của Mỹ ở khu vực.

Về cấu trúc, ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Mục lục, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn bao gồm 3 chương 8 tiết:

**Chương 1: Chính sách của Mỹ đối với Mỹ Latinh và những tác động tới Phong trào cánh tả khu vực thời kỳ Chiến tranh lạnh.** Chương này sẽ đề cập một cách khái quát về cơ sở hoạch định chính sách của Mỹ đối với khu vực Mỹ Latinh, bao gồm: bối cảnh quốc tế và khu vực Mỹ Latinh sau Thế chiến thứ hai; vai trò của khu vực Mỹ Latinh và Phong trào cánh tả Mỹ Latinh đối với Mỹ trong giai đoạn này. Trên cơ sở đó, chương này phân tích chính sách của Mỹ đối với Mỹ Latinh thời kỳ Chiến tranh lạnh và những tác động tới Phong trào cánh tả khu vực.

Chương này cũng đề cập tới tình hình Mỹ Latinh, một số vấn đề cơ bản về nội hàm và sự phát triển của Phong trào cánh tả khu vực Mỹ Latinh và quan hệ Mỹ - Mỹ Latinh từ thế kỷ XIX cho tới trước thời kỳ Chiến tranh lạnh.

**Chương 2: Tác động chính sách của Mỹ đối với Mỹ Latinh tới Phong trào cánh tả khu vực từ sau Chiến tranh lạnh đến nay.** Chương này là chương chính của luận văn, tập trung phân tích những nội dung chính sách của Mỹ với khu vực, đồng thời lý giải vì sao Mỹ không còn ưu tiên Mỹ Latinh trong chính sách đối ngoại của mình từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc tới khoảng năm 2006. Sau đó, khi có những dấu hiệu rõ ràng cho thấy Phong trào cánh tả khu vực đã phát triển trở lại, từ nửa cuối nhiệm kỳ 2 của Tổng thống W. Bush đến thời Tổng thống Obama, Mỹ đang trong quá trình điều chỉnh chính sách theo chiều hướng tăng cường ảnh hưởng trở lại ở khu vực Mỹ Latinh và hạn chế sự phát triển của Phong trào cánh tả khu vực.

**Chương 3: Chiều hướng tác động chính sách của Mỹ đối với Mỹ Latinh tới Phong trào cánh tả khu vực trong những năm sắp tới.** Chương này đánh giá chiều hướng tác động của chính sách của Mỹ tới Phong trào cánh tả khu vực trong thời gian sắp tới. Bên cạnh đó, chương này cũng phân tích quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với Phong trào cánh tả khu vực Mỹ Latinh và tác động của sự phát triển của Phong trào tới cách mạng Việt Nam trong thời gian sắp tới.

### **19. Hợp tác Việt Nam – Hoa Kỳ trong vấn đề giải quyết hậu quả bom mìn còn sót lại sau chiến tranh tại Việt Nam**

*Học viên: Trần Gia Quang*

Hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ trong vấn đề giải quyết hậu quả bom mìn còn sót lại sau chiến tranh có thể xem là vấn đề mới trong quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, nó không những giúp Việt Nam giải quyết vấn đề này mà còn có tác dụng rất tích cực trong việc thúc đẩy sự phát triển quan hệ của hai nước. Luận văn này sẽ tìm hiểu những cơ sở cho sự hợp tác cũng như quá trình hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong vấn đề này, đồng thời xem xét tác động của nó đối với sự phát triển quan hệ của hai nước để từ đó có thể đề xuất những phương hướng thúc đẩy thích hợp.

Nội dung chính của luận văn được thể hiện trong ba chương. Chương I có tựa đề: Khái quát quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ và vấn đề bom mìn còn sót lại sau chiến tranh. Chương này nêu khái quát tình hình phát triển quan hệ của hai nước trong tất cả các lĩnh vực nói chung và trong vấn đề bom mìn còn sót lại sau chiến tranh nói riêng, đồng thời phân tích những cơ sở cho hợp tác hai nước trong lĩnh vực này. Chương II có tựa đề: Quá trình hợp tác Việt Nam – Hoa Kỳ trong các hoạt động nhân đạo liên quan tới vấn đề bom mìn còn sót lại sau chiến tranh. Chương này sẽ đi sâu phân tích tình hình hợp tác của hai nước trong lĩnh vực này, tình hình tài trợ ra sao, hợp tác trên những lĩnh vực gì và đặc điểm của hợp tác này là gì. Chương III có tựa đề: Đánh giá hợp tác Việt Nam – Hoa Kỳ trong vấn đề bom mìn còn sót lại sau chiến tranh và phương hướng thúc đẩy hợp tác trong thời gian tới. Chương này sẽ

phân tích rõ những thành công, hạn chế, những tác động tích cực, tiêu cực của hợp tác này, đồng thời đề ra một số phương hướng để thúc đẩy hợp tác trong thời gian tới.

Luận văn có sự tham khảo nhiều tài liệu liên quan cộng với kinh nghiệm làm việc thực tiễn kết hợp với những thông tin có được từ các cuộc phỏng vấn một số người đang liên quan trực tiếp đến hợp tác này. Bằng việc nghiên cứu hợp tác hai nước trong vấn đề này, tác giả cũng đặt mục tiêu góp một phần nhỏ vào việc nghiên cứu quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ nhằm đa dạng hoá quan hệ hợp tác với đối tác quan trọng này, trong đó đặc biệt có sự đóng góp của hình thức ngoại giao nhân dân thông qua lực lượng các tổ chức phi chính phủ. Thành công của hợp tác này sẽ đóng góp tích cực trong việc thúc đẩy quan hệ hợp tác chung giữa hai nước.

## 20. ĐỖ LAN PHƯƠNG

### **21. Hội nhập quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng sau khi gia nhập WTO**

*Học viên: Vũ Lê Phương*

Trong nền kinh tế thị trường, lĩnh vực tài chính – ngân hàng có vị trí, vai trò là trung tâm thần kinh của nền kinh tế quốc gia. Đặc biệt trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, nếu thương mại là bước đột phá đầu tiên thì tài chính – ngân hàng là bước tiếp theo, nhạy cảm hơn và phản ánh trình độ hội nhập sâu hơn của mỗi quốc gia vào nền kinh tế toàn cầu. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Ngày 1/1/2007 đánh dấu sự kiện Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Hai năm sáu tháng đã qua, câu hỏi đặt ra là với tư cách là thành viên của WTO và đặc biệt là cam kết WTO của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng đã góp phần giải quyết những vướng mắc trong lĩnh vực này, mở cửa cho đầu tư nước ngoài đến đâu và giúp Việt Nam hội nhập KTQT đến

mức độ nào. Trên cơ sở đó, người viết đã lựa chọn đề tài “**Hội nhập quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng sau khi gia nhập WTO**” cho luận văn thạc sĩ của mình.

Luận văn nhằm đánh giá về sự tự do hóa trong lĩnh vực ngân hàng, những thay đổi trong môi trường đầu tư nước ngoài tại Việt Nam từ đó đóng góp vào việc làm rõ các bước phát triển mới của Việt Nam về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng thời kỳ hậu WTO. Để đạt được mục đích trên, nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu của luận văn là: Thứ nhất, xem xét cam kết WTO của Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng. Thứ hai, phân tích và đánh giá việc thực thi cam kết WTO từ (i) khía cạnh pháp lý là những cải cách luật pháp và (ii) khía cạnh thực tế là việc mở cửa thị trường ngân hàng cho đầu tư nước ngoài vào Việt Nam thời kỳ hậu WTO. Thứ ba, đánh giá các khó khăn, thách thức cơ bản sau khi gia nhập WTO của Việt Nam. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh hơn nữa hội nhập quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng.

Tóm lại, một số kết luận chính có thể rút ra từ luận văn như sau: (i) Sự kiện Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO đã đánh dấu quá trình hội nhập đầy đủ của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới; (ii) Cam kết WTO của Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng đã thể hiện mức độ tự do hóa lớn mà Việt Nam cam kết; (iii) Sau khi gia nhập, Việt Nam tiếp tục thực hiện quá trình cải cách pháp luật, và do đó tạo ra cơ sở để tự do hoá thị trường của mình một cách hiệu quả và hội nhập sâu hơn vào tiến trình toàn cầu hóa kinh tế

Trong thời gian tới, nếu chính phủ Việt Nam tiếp tục chứng minh được việc cải cách tư pháp và mở cửa thị trường của mình là tuân thủ nguyên tắc WTO, việc tự do hóa lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam sẽ được tăng cường hơn nữa, thúc đẩy cạnh tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư nước ngoài và mang lại lợi ích cho người tiêu dùng.

## **22. Nước Nga với mục tiêu khôi phục vị thế cường quốc thế giới những năm đầu thế kỷ XXI**

*Học viên: Nguyễn Quốc Sự*

Liên Xô đã từng làm được những điều phi thường trong thế kỉ XX, như chiến thắng quân phát xít, lần đầu tiên đưa người lên vũ trụ, là một trong hai siêu cường thế giới thời Chiến tranh Lạnh... Vậy nước Nga ngày nay, với tư cách là “quốc gia kế tục” Liên Xô, liệu có thể tìm lại chính mình, vươn lên vị thế cường quốc thế giới như đã từng trong quá khứ? Đó là chủ đề được giới nghiên cứu chính trị quốc tế quan tâm theo dõi, đặc biệt sau sự kiện xung đột Nga - Georgia (08.2008). Tuy nhiên, những đánh giá về hiện tại và tương lai của nước Nga trong giới nghiên cứu cũng tồn tại nhiều khác biệt, thậm chí là đối lập nhau khi nhiều nhà nghiên cứu cho rằng “siêu cường Nga đã hồi sinh”, trong khi số khác lại cho rằng “Nga đang suy yếu”.

Vậy thực chất nước Nga có những cơ sở hay sức mạnh nào để thực hiện mục tiêu khôi phục vị thế cường quốc thế giới như trước đây? Nga đã và đang sử dụng những phương thức nào (hiệu quả hay không hiệu quả) để thực hiện mục tiêu của mình? Nga đã thực hiện mục tiêu của mình đến đâu? Việc thực hiện mục tiêu đó tác động như thế nào tới Việt Nam? Xuất phát từ những câu hỏi trên và mối quan tâm đối với nước Nga, tôi đã chọn đề tài “Nước Nga với mục tiêu khôi phục vị thế cường quốc thế giới những năm đầu thế kỉ XXI”.

Qua nghiên cứu, phân tích về sức mạnh (chính trị, kinh tế, quân sự, đối ngoại) và phương thức sử dụng sức mạnh của Nga, luận văn rút ra kết luận: Nga đang tiến gần hơn tới mục tiêu khôi phục vị thế cường quốc trong bối cảnh thế giới đang dịch chuyển mạnh mẽ từ trật tự “nhất siêu, đa cường” sang “đa cực, nhiều trung tâm”, do sự yếu đi tương đối của siêu cường Mỹ trong khi các cường quốc khác như Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil đang mạnh lên tương đối. Quan hệ Nga - Việt rõ ràng sẽ bị chi phối bởi quá trình Nga thực hiện mục tiêu lấy lại vị thế quốc tế. Do đó, nếu biết tận dụng thời cơ để gia tăng quan hệ với Nga, vị thế của Việt Nam cũng sẽ được

nâng cao trên trường quốc tế, điều này cũng phù hợp với chủ trương cân bằng nước lớn của Việt Nam.

Để sớm thực hiện thành công mục tiêu của mình, Nga cần tạo dựng sức mạnh tổng thể có tính ổn định và bền vững cao hơn, tích cực phối hợp và liên kết với các nước lớn và trung tâm quyền lực khác để hình thành một trật tự thế giới mới công bằng và bình đẳng hơn, quan tâm hơn tới việc sử dụng sức mạnh mềm và sức mạnh thông minh. Với truyền thống nhiều lần làm nên kỳ tích trong lịch sử, nước Nga chắc chắn sẽ thực hiện thành công mục tiêu của mình. Cựu Cố vấn An ninh quốc gia Mỹ Z.Brezinski từng khẳng định: “Nước Nga là một nước, do số phận quy định, bằng cách này hay cách khác vẫn là một cường quốc trong các vấn đề thế giới, bất luận những khó khăn mà nó gặp phải”; Chủ tịch Hội đồng Quan hệ đối ngoại Mỹ Richard N.Haass thì khẳng định: “Điều chắc chắn là đường hướng phát triển của nước Nga sẽ là nhân tố chủ chốt quyết định tính chất của thế kỷ XXI cũng như nó đã từng là nhân tố chủ chốt quyết định tính chất của thế kỷ XX”.

## 23. NGUYỄN THỊ THANH THUYẾT

### **24. Vai trò của Liên Hợp Quốc trong tiến trình hòa bình Trung Đông**

*Học viên: Nguyễn Thành Trung*

Nội dung chính của luận văn gồm ba chương, trong đó: Chương I trình bày tổng quan về cuộc xung đột Arab – Israel và Liên Hợp Quốc; Chương II trình bày, phân tích và đánh giá đóng góp của LHQ trong tiến trình hòa bình Trung Đông; Chương III nêu thành tựu, hạn chế của LHQ trong việc giải quyết và đem lại nền hòa bình bền vững cho khu vực Trung Đông và đưa ra dự báo về triển vọng của vấn đề này.

Luận văn trình bày và đánh giá những đóng góp thể hiện vai trò của Liên Hợp Quốc như: ban hành các nghị quyết liên quan, triển khai các chiến dịch gìn giữ hòa



bình, giám sát tình hình cùng các hoạt động hỗ trợ nhân đạo và phát triển và vai trò cá nhân của các vị Tổng Thư ký LHQ trong việc góp phần trung gian hòa giải và bày tỏ quan điểm của cộng đồng quốc tế trước hành động của cả hai bên xung đột. Luận văn cũng đề cập vai trò là một kênh quan trọng, qua đó để các nước trong cộng đồng quốc tế chia sẻ, lên tiếng và tham gia thúc đẩy tiến trình hòa bình Trung Đông của LHQ. Tuy nhiên, luận văn cũng chỉ ra việc LHQ đã nhiều lần bị gạt ra khỏi những quyết sách trong vấn đề Trung Đông để làm rõ những hạn chế của tổ chức này. Do đó đặt ra vấn đề cải tổ để LHQ khẳng định vị thế quốc tế và vai trò duy trì hòa bình – an ninh thế giới. Một LHQ có tiếng nói quyết định hơn, sẽ góp phần thúc đẩy và giải quyết triệt để những cuộc xung đột, tranh chấp trên thế giới nói chung và tiến trình hòa bình Trung Đông nói riêng.

Đánh giá về triển vọng tiến trình hòa bình Trung Đông, luận văn nhận định, một khi các bên liên quan tăng cường nỗ lực và thiện chí của bản thân; Mỹ thay đổi chính sách Trung Đông; và LHQ nâng cao được vai trò duy trì, bảo đảm hòa bình – an ninh quốc tế của mình, thì tiến trình hòa bình sẽ có những triển triển khả quan hơn./.

## **25. Vai trò của Ngoại giao kinh tế trong chính sách hội nhập của Việt nam thời kỳ đổi mới**

*Học viên: Lê Anh Tuấn*

Ngay từ rất sớm, ngành Ngoại giao Việt Nam đã ý thức được tầm quan trọng của công tác Ngoại giao Kinh tế. Kể từ khi Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới năm 1986, hoạt động Ngoại giao Kinh tế đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngoại giao Việt Nam. Sau hơn 20 năm đổi mới, Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc trong quá trình phát triển kinh tế xã hội đất nước, thế và lực của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Trong những thành công chung đó, công tác Ngoại giao Kinh tế có vị trí như thế nào? Các nước trên thế giới triển khai hoạt động Ngoại giao Kinh tế như thế nào? Công tác Ngoại giao Kinh tế của

Việt Nam từ năm 1986 đến nay trải qua mấy giai đoạn, nội dung của các giai đoạn có gì khác nhau? Trong thời gian tới trọng tâm của công tác Ngoại giao Kinh tế là gì? Làm thế nào để khắc phục những điểm còn hạn chế trong công tác Ngoại giao Kinh tế hiện nay?

Để giải pháp phần nào những câu hỏi trên, tác giả đã chọn đề tài “Vai trò Ngoại giao Kinh tế trong chính sách hội nhập của Việt Nam thời kỳ đổi mới. Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, Đề tài gồm có 3 chương.

Chương I: Ngoại giao Kinh tế: Khái niệm, nội dung và kinh nghiệm quốc tế. Chương này khái quát các vấn đề về Ngoại giao Kinh tế, từ lý luận đến thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế về Ngoại giao Kinh tế của một số quốc gia trên thế giới.

Chương II: Thực tiễn triển khai hoạt động Ngoại giao tại Việt Nam thời kỳ đổi mới. Đây là chương chính của Đề tài, tập trung giới thiệu công tác Ngoại giao Kinh tế trong chính sách hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước Việt Nam; đánh giá những mặt được và những mặt còn hạn chế trong quá trình thực hiện công tác Ngoại giao Kinh tế từ Đại hội VI đến nay.

Chương III: Ngoại giao Kinh tế trong chính sách đối ngoại hội nhập của Việt Nam trong tương lai. Chương này phân tích các thời cơ và thách thức cơ bản của nước ta trong thời gian tới; nhiệm vụ đặt ra đối với công tác Ngoại giao Kinh tế trong bối cảnh mới và nêu lên một số kiến nghị nhằm tăng cường hiệu quả hơn nữa công tác Ngoại giao Kinh tế trong tương lai.

Là một vấn đề còn khá mới ở Việt Nam, tác giả đề tài hy vọng sẽ mang lại cho người đọc những thông tin bổ ích và cái nhìn tổng quan về công tác Ngoại giao Kinh tế của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

## **26. Quan hệ Trung Quốc – ASEAN từ năm 1991 đến nay**

*Học viên: Trần Thanh Vân*

Chiến tranh lạnh kết thúc đã làm thay đổi căn bản bầu không khí an ninh, chính trị quốc tế, ảnh hưởng mạnh mẽ đến các mối quan hệ song phương và đa phương trên tầm khu vực cũng như thế giới. Trong xu thế chung đó, quan hệ Trung Quốc - ASEAN cũng bước sang một chương mới, với những bước tiến triển ngày càng tích cực trên tất cả các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, an ninh, kinh tế và văn hóa theo hướng xây dựng “Quan hệ đối tác chiến lược” đã được hai bên ký kết vào tháng 11/2003.

Luận văn đi sâu phân tích nghiên cứu làm rõ quá trình phát triển quan hệ Trung Quốc - ASEAN từ năm 1991 đến nay; đưa ra dự báo triển vọng phát triển của quan hệ Trung Quốc - ASEAN đến năm 2015 và tác động của quan hệ Trung Quốc – ASEAN đến Việt Nam.

Chương 1: nêu lên những nhân tố chính tác động đến quan hệ Trung Quốc - ASEAN thời kỳ sau chiến tranh lạnh, giới thiệu những nét khái quát về quan hệ Trung Quốc – ASEAN thời kỳ chiến tranh lạnh, tình hình thế giới và khu vực sau chiến tranh lạnh, công cuộc cải cách và mở cửa của Trung Quốc và sự hợp tác liên kết của ASEAN và chính sách đối ngoại của Trung Quốc và các nước ASEAN. Những nhân tố nêu trên đã tác động và thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ Trung Quốc – ASEAN thời kỳ hậu chiến tranh lạnh

Chương 2: nêu lên Quá trình phát triển quan hệ Trung Quốc – ASEAN sau chiến tranh lạnh. Chương này tập trung phân tích thực trạng phát triển quan hệ Trung Quốc - ASEAN trên các lĩnh vực chính trị - đối ngoại, kinh tế, văn hóa, giáo dục và khoa học công nghệ... từ năm 1991 đến nay.

Chương 3: “Triển vọng phát triển quan hệ Trung Quốc – ASEAN đến năm 2015 và tác động của mối quan hệ này tới Việt Nam”, tác giả dự báo triển vọng của mối quan hệ Trung Quốc - ASEAN đến năm 2015, phân tích tác động của quan hệ Trung Quốc - ASEAN đến Việt Nam và nêu lên một số khuyến nghị nhằm góp phần củng cố và tăng cường mối quan hệ này trong những năm sắp tới.

Tóm lại, sau chiến tranh lạnh, cả Trung Quốc và ASEAN đều có những điều chỉnh trong chiến lược, chính sách đối ngoại của mình để cùng nhau xây dựng quan hệ đối tác chiến lược, tạo dựng sự tin tưởng ngày càng sâu đậm và tốt đẹp hơn. Ảnh hưởng của quan hệ Trung Quốc – ASEAN tác động không nhỏ đến Việt Nam, vì vậy, đối sách của Việt Nam là thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, tham gia tích cực vào hội nhập ASEAN và phát triển quan hệ láng giềng với Trung Quốc. Hợp tác giữa Trung Quốc và ASEAN đã mở ra một tương lai phát triển nhanh mạnh hơn nữa để cùng nhau tiến tới thịnh vượng chung trong toàn khu vực./.

## **27. Cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ ở Afghanistan và Iraq những năm đầu thế kỷ XXI**

*Học viên Lê Ý Xuân*

Với xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển trong quan hệ quốc tế, hầu hết các nước đều tăng cường hợp tác để duy trì một nền hòa bình bền vững. Tuy nhiên, chủ nghĩa khủng bố xuất hiện như một vấn nạn lớn của thế giới, đe dọa lợi ích sống còn của các nước. Đặc biệt, vụ khủng bố 11/9/2001 là một cú sốc lớn cho nước Mỹ và toàn thế giới; khiến cho Mỹ và nhiều nước phải điều chỉnh chính sách của mình. Riêng Mỹ đã phải thay đổi tư duy bạn-thù, nhìn lại quan niệm về an ninh và quyết định phát động cuộc chiến chống khủng bố. Afghanistan và Iraq là tâm điểm trong cuộc chiến này. Bối cảnh chung đó gợi cho người viết một đề tài về vấn đề chống khủng bố; cụ thể: “Cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ ở Afghanistan và Iraq những năm đầu thế kỷ XXI”.

Đối tượng nghiên cứu: Chính sách chống khủng bố của Mỹ ở Afghanistan và Iraq; không gian nghiên cứu: Afghanistan và Iraq; thời gian nghiên cứu: những năm đầu thế kỷ XXI hay từ khi Mỹ đưa chống khủng bố thành ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của mình.

Các mục tiêu chính của đề tài: (i) chỉ ra các cách tiếp cận khác nhau về khủng bố và chống khủng bố từ trước tới nay; (ii) xem xét khủng bố quốc tế như một tác nhân quan trọng khiến Mỹ điều chỉnh chính sách đối ngoại; (iii) làm rõ nguồn gốc, bản chất và ý đồ của Mỹ trong cuộc chiến ở Afghanistan và Iraq; từ đó (iv) xem xét tác động của nó tới tình hình thế giới và Việt Nam.

Sau khi luận văn đã được hoàn thành, một số nội dung chính đã được giải quyết là: (i) giới thiệu khái quát vấn đề khủng bố-chống khủng bố; (ii) phân tích quan điểm và sự điều chỉnh chính sách của Mỹ về khủng bố-chống khủng bố đầu thế kỷ XXI để thấy một phần nguyên nhân khiến Mỹ chọn Afghanistan và Iraq để tiến hành chiến tranh; (ii) hai cuộc chiến của Mỹ ở Afghanistan và Iraq lần lượt được mô tả, đi sâu phân tích các mục tiêu chiến lược của Mỹ và những hệ quả tại mỗi quốc gia; (iii) đề cập triển vọng cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ tại Afghanistan và Iraq để chứng minh chủ nghĩa khủng bố quốc tế là mối đe dọa ngày càng lớn đối với hòa bình an ninh thế giới. Ngoài ra, luận văn cũng điểm ra các tác động chính của cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ tới tình hình thế giới và Việt Nam.

Nhìn chung, khủng bố-chống khủng bố quốc tế trong chính sách đối ngoại của Mỹ tuy không mới nhưng chỉ được Mỹ coi là một trong những trọng tâm chính sách kể từ sau sự kiện 11/9. Xuất phát từ mục đích đảm bảo an ninh quốc gia và những tính toán khác có lợi cho mình, Mỹ đã tiến hành chiến tranh chống khủng bố tại Afghanistan và Iraq. Cho đến nay, cuộc chiến vẫn chưa hề kết thúc và vẫn luôn có những tác động nhiều chiều đến tình hình thế giới và Việt Nam.

## **28. Chính sách của Mỹ đối với cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên những năm đầu thế kỷ XXI**

*Học viên: Nguyễn Xuân Sáng*

Bước sang thế kỷ XXI, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên tiếp tục thu hút sự chú ý của dư luận thế giới một cách mạnh mẽ với sự bùng nổ của cuộc khủng hoảng hạt nhân lần thứ hai (2002). Là một “siêu cường” duy nhất trên thế giới, chính

sách của Mỹ có những tác động nhất định trên phạm vi toàn cầu. Vì thế, việc nghiên cứu chính sách của Mỹ nói chung và chính sách của Mỹ đối với CHDCND Triều Tiên nói riêng có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm góp phần làm rõ quá trình triển khai chính sách của Mỹ và tìm hiểu lý do vì sao vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên vẫn lâm vào bế tắc.

Xuất phát từ ý nghĩa thực tiễn đó, luận văn nghiên cứu chính sách của Mỹ đối với CHDCND Triều Tiên trong một giai đoạn nhất định (chủ yếu tập trung vào giai đoạn Tổng thống George W. Bush cầm quyền) nhằm làm rõ mục tiêu chiến lược của Mỹ đối với bán đảo Triều Tiên; sự điều chỉnh chính sách của Mỹ qua các thời kỳ; những tác động của chính sách đó đối với an ninh thế giới, khu vực và Việt Nam, đồng thời góp phần hiểu rõ hơn chiến lược toàn cầu của Mỹ trong kỷ nguyên mới.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia làm 3 chương:

Chương 1: Những nhân tố chính tác động tới chính sách của Mỹ đối với CHDCND Triều Tiên những năm đầu thế kỷ XXI, trình bày khái quát tình hình thế giới, khu vực Đông Bắc Á, bối cảnh nước Mỹ những năm đầu thế kỷ XXI và lịch sử vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên. Bước sang thế kỷ XXI, xu hướng hình thành trật tự thế giới đa cực, nguy cơ phổ biến hạt nhân trên toàn thế giới, những bất ổn về an ninh ở Mỹ sau vụ tấn công khủng bố 11/9/2001... khiến chính quyền Mỹ phải điều chỉnh chính sách trên phạm vi toàn cầu và bán đảo Triều Tiên là một trong những tâm điểm.

Chương 2: Quá trình triển khai chính sách của Mỹ đối với CHDCND Triều Tiên những năm đầu thế kỷ XXI. Chương này trình bày khái quát về mục tiêu chiến lược, mục tiêu cụ thể của Mỹ trong chính sách đối với CHDCND Triều Tiên và tập trung phân tích quá trình triển khai chính sách của Mỹ trong các lĩnh vực chính như chính trị - ngoại giao, kinh tế và quân sự của chính quyền tổng thống Bush.

Chương 3: Đánh giá và dự báo chính sách của Mỹ đối với CHDCND Triều Tiên trong thời gian tới, đưa ra một số nhận xét, đánh giá về chính sách của chính quyền tổng thống Bush đối với CHDCND Triều Tiên, dự báo về chính sách của Mỹ đối với CHDCND Triều Tiên dưới chính quyền tổng thống Obama và một số tác động của tình hình trên bán đảo Triều Tiên đối với Việt Nam.

## **29. Nhân tố Mỹ trong quá trình phát triển kinh tế của Lào từ năm 1993 đến 2008**

*Học viên: Lakavanh KEOMANY.*

Lý do chọn đề tài của tác giả là xuất phát từ thực tế của Lào đang tập trung thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; để thực hiện thành công chiến lược trên, việc hợp tác với quốc tế trong đó có các nước lớn như Mỹ là rất cần thiết. Còn đối với tác giả, từ sau khi vào làm ở vụ Âu – Mỹ, Bộ Ngoại giao Lào, từ những công việc thực tiễn của mình, tác giả cũng có băn khoăn, thắc mắc, tại sao Lào – Mỹ chỉ có quan hệ hợp tác trong lĩnh vực chính trị và ít quan hệ trong lĩnh vực kinh tế? Mỹ là một nước lớn và có thế mạnh về kinh tế, liệu Mỹ có phải là nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của Lào hay không? Vì vậy, tác giả đã chọn đề tài nghiên cứu **“Nhân tố Mỹ trong quá trình phát triển kinh tế của Lào từ năm 1993 đến 2008 (từ sau khi Lào – Mỹ nâng quan hệ lên cấp đại sứ năm 1993 đến năm 2008)”**

Mục tiêu nghiên cứu của tác giả là nhằm trả lời cho câu hỏi và thắc mắc trên, từ đó tìm ra những nguyên nhân và phương hướng giải quyết.

Qua nghiên cứu đề tài này, tác giả đã phát hiện ra 1 kết luận chính là: *Nhân tố Mỹ không phải là nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của Lào trong tương quan so sánh với các nước khác.*

Minh chứng cho kết luận trên, tác giả đã sử dụng phương pháp lịch sử so sánh và phân kỳ giai đoạn quan hệ Lào – Mỹ. Đó là vai trò của Mỹ từ năm 1993

– 2005 (từ sau khi Lào – Mỹ nâng quan hệ lên cấp đại sứ cho đến khi Mỹ trao NTR cho Lào) và vai trò của Mỹ trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2008.

Vai trò của Mỹ trong giai đoạn từ năm 1993 – 2005: xét về quan hệ thương mại Lào – Mỹ, quan hệ này đã tăng giảm từ mức cao nhất 24,4 triệu USD năm 1998 giảm xuống còn 1,2 triệu USD năm 2005. Còn về đầu tư trực tiếp nước ngoài của Mỹ tại Lào trong giai đoạn này thì có nhiều dự án lớn nhỏ với tổng giá trị vốn đầu tư hơn 1,58 tỷ USD. Nhưng xét trên tổng thể, giai đoạn này vai trò của Mỹ không lớn bằng các nước khác, điều này thể hiện qua những con số thương mại và đầu tư trực tiếp nước ngoài của Mỹ không lớn như các nước như Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam.

Vai trò của Mỹ từ năm 2005 đến năm 2008, trong giai đoạn này vai trò của Mỹ đã tăng lên so với giai đoạn trước, điều này thể hiện qua những quan hệ thương mại Lào – Mỹ đã tăng liên tục từng năm và tăng lên rất nhanh từ mức 1,2 triệu USD năm 2005 lên tới 14,4 triệu USD năm 2007 và 39,6 triệu USD năm 2008. Cho dù đầu tư trực tiếp nước ngoài của Mỹ giai đoạn này đã giảm xuống so với giai đoạn trước. Vai trò của Mỹ trong giai đoạn này đã tăng lên so với giai đoạn trước nhưng so sánh với tổng thể thì vai trò của Mỹ cũng không lớn bằng các nước khác. Ví dụ, trong năm 2008, quan hệ kinh tế thương mại Lào – Mỹ ở mức cao nhất là 39,6 triệu USD nhưng so với quan hệ kinh tế thương mại Lào – Thái Lan là 1,3 tỷ USD, với Việt Nam là 256 triệu USD.

Như vậy có thể nói: vai trò của Mỹ trong quá trình phát triển kinh tế của Lào rất thấp nếu so với các nước khác.

Trên cơ sở đó, tác giả đã tìm ra những nguyên nhân làm hạn chế quan hệ kinh tế Lào – Mỹ và đưa ra một số phương hướng giải quyết nhằm tăng cường quan hệ kinh tế Lào – Mỹ.

Bất chấp những hạn chế trong quan hệ kinh tế Lào – Mỹ từ sau khi Lào – Mỹ nâng quan hệ lên cấp đại sứ năm 1993 và sau khi Mỹ trao NTR cho Lào năm



2005 đến nay, quan hệ kinh tế song phương giữa hai nước đã có những chuyển biến cơ bản. Tác động của mối quan hệ kinh tế này đã góp phần vào quá trình phát triển kinh tế của Lào. Tuy nhiên, mức độ tác động này còn rất hạn chế. Xét trong tổng thể, có thể nói Mỹ chưa thực sự là một nhân tố thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế của Lào. Nhưng với vai trò của kinh tế Mỹ, là một siêu cường có thế mạnh về kinh tế; việc thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại Lào – Mỹ, Lào sẽ có nhiều lợi ích và cơ hội tiếp cận với nền kinh tế quốc tế trong tương lai. Vì vậy, Lào cần phải phát huy những thuận lợi vốn có và khắc phục những hạn chế trong quan hệ giữa hai nước.

### **30. Quá trình đàm phán về hoạch định biên giới Lào - Thái Lan, những bài học và kinh nghiệm.**

*Học viên Anousone Onsavath*

Lào và Thái Lan là nước láng giềng cùng nằm ở Đông Nam Á có mối quan hệ lịch sử lâu dài, tuy mặt hợp tác hòa bình là chủ yếu nhưng cũng có xảy ra tranh chấp biên giới lãnh thổ vì mỗi bên đều cho rằng vùng đó thuộc quyền sở hữu của mình. Thực tiễn biên giới giữa Lào và Thái Lan ngày xưa chưa được xác định rõ ràng và muốn có biên giới xác định rõ ràng thì phải tiến hành phân định cắm mốc.

Bài luận văn được chia làm ba chương chính như: CHƯƠNG 1: Vài nét về lịch sử quan hệ Lào - Thái Lan. CHƯƠNG 2: Quá trình đàm phán biên giới Lào - Thái Lan. CHƯƠNG 3: Bài học và kinh nghiệm. Đề hình dung được những mối quan hệ và tranh chấp giữa Lào và Thái Lan *thứ nhất* là khái quát về lịch sử của hai nước. *thứ hai* phân tích quan hệ giữa Lào - Thái Lan từ năm 1975 đến nay. *thứ ba* đi sâu phân tích 3 trường hợp tranh chấp như: vấn đề dọc biên giới sông Mê Kông, trường hợp 3 làng và mâu thuẫn huyện bò ten. Nhân tố dẫn đến quá trình đàm phán về hoạch định biên giới Lào - Thái Lan. Nhân tố nội bộ của hai nước và nhân tố bên ngoài. Về nhân tố nội bộ của hai nước. Đối với Lào, Lào đã

tiến hành chính sách đối ngoại đổi mới và dựa vào nhu cầu phát triển của đất nước. Đối với Thái Lan, Thái Lan đã tiến hành chính sách biến chiến trường sang thương trường và thi hành chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Về nhân tố bên ngoài: Chiến tranh lạnh kết thúc, vấn đề Campuchia đã được giải quyết, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ và giảm căng thẳng trên thế giới và khu vực. Quá trình đàm phán khảo sát và cắm mốc biên giới Lào - Thái Lan. Những thuận tiện và khó khăn. Về mặt thuận tiện: Lào và Thái Lan đã có thay đổi về nhận thức dựa trên tinh thần xây dựng, hợp tác, hiểu biết và chung sống hòa bình là điều kiện cơ bản của phát triển kinh tế và Lào và Thái Lan nhận thấy con đường hòa giải và chung sống hòa bình với nhau thông qua các ủy ban liên hiệp giữa hai nước. Về mặt khó khăn: Với những thay đổi của lịch sử và tác động của thiên nhiên, con người và chiến tranh đường biên giới Lào - Thái Lan hơn một trăm năm qua đã có biến động phức tạp. Một số mốc giới đã mất, bị hủy hoại hoặc dịch chuyển gây ra nhận thức khác nhau về biên giới; khó chấp nhận những quy định và bản đồ sử dụng vào việc khảo sát cắm mốc; những trình độ, kỹ thuật và vốn để sử dụng vào công việc khảo sát cắm mốc còn nhiều hạn chế; thực địa của mốc giới thường nằm tận vùng sâu vùng xa, trong rừng sâu... khiến cho việc khảo sát gặp nhiều khó khăn và kéo dài thời gian và quan trọng nhất là chính phủ Thái Lan bất ổn. Từ những phân tích trên có thể rút ra được những bài học và kinh nghiệm trong quá trình đàm phán: phương pháp đàm phán cần nhấn mạnh tính khả năng và tính hiện thực của quan hệ hợp tác hai bên cùng có lợi. Đồng thời cần thuyết phục đối phương để không bị nghi ngờ hoặc ảnh hưởng đến thỏa thuận đàm phán; thời điểm là điều cực kỳ quan trọng trong quá trình đàm phán. thể hiện cho thấy qua các thời kỳ thay đổi chính phủ của Thái Lan. Nếu chính phủ thân phương Tây thì quan hệ Lào - Thái Lan bế tắc và khi chính phủ khác có tư tưởng ôn hòa thì quan hệ Lào - Thái Lan tiến triển tốt; việc nhân nhượng có nguyên tắc. Ở đây chủ quyền lãnh thổ là vấn đề mang tính nguyên tắc không thể nhân nhượng nhưng nhân nhượng những vấn đề khác lại là nhân tố

kích thích đẩy nhanh quá trình đàm phán; hiểu rõ đối phương để có thể đưa ra quyết sách đúng đắn và hợp lý. Đồng thời cần nắm giữ chi tiết lập luận của đối phương, nắm rõ cơ sở, chứng cứ cho lập luận của mình. Tóm lại Quan hệ giữa Nhân dân Lào và nhân dân Thái Lan là quan hệ làng xã, là quan hệ anh em; trở ngại cơ bản trong quan hệ giữa hai nước là khác biệt về chế độ chính trị và thái độ nghi ngờ, thiếu tin tưởng lẫn nhau và việc tiến hành khảo sát và cắm mốc biên giới chung giữa Lào và Thái Lan trong tương lai vẫn còn nhiều trở ngại vì cơ sở của sự phân định biên giới thời Pháp - Xiêm có nhiều điểm không rõ ràng đặc biệt là về nội dung của hiệp ước, tiêu hiệp ước, nghị định thư mà Lào và Thái Lan không nhất trí với nhau

31. SINGDENG SILVILAY

## **32. Ngoại giao Lào trong quá trình hội nhập quốc tế từ năm 1986 đến nay**

*Học viên Amphavanh Themkhamheuang*

Hiện nay, thế giới và khu vực đang có những chuyển biến rất sâu sắc và nhanh chóng, tác động mạnh mẽ đến tất cả các quốc gia, buộc tất cả các nước phải điều chỉnh chính sách và tìm ra phương thức thực hiện thích hợp để đạt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế của nước mình ở khu vực và trên thế giới. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lần thứ IV (tháng 3 năm 1986), đã đánh giá thực trạng tình hình kinh tế xã hội trong nước và diễn biến mới của tình hình thế giới và quyết định nước CHDCND Lào phải tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, kể cả trong lĩnh vực ngoại giao. Sau hơn 20 năm thực hiện đường lối đó, CHDCND Lào đã đạt được nhiều thành tựu có ý nghĩa vô cùng quan trọng trên mặt trận ngoại giao, góp phần tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đường lối, chính sách đối ngoại mới của Đảng và Nhà nước Lào do Đại hội IV Đảng NDCM Lào khởi xướng và được bổ sung, phát triển và hoàn thiện qua các Đại hội, hội nghị Ban Chấp Hành Trung ương Đảng, là sự kế thừa và phát huy truyền thống đối ngoại của dân tộc, là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa

Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng chỉ đạo của đồng chí Cay Xôn Phôn Vi Hăn. Nó thể hiện tư duy nhạy bén, sáng tạo của Đảng và Nhà nước Lào được thực tiễn chứng minh là đúng đắn, và nó đã có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước của nhân dân Lào.

Từ sự đổi mới nhận thức về tình hình quốc tế và nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ mới, đổi mới tư duy đối ngoại là điều tất nhiên. Từ sau khi đổi mới tư duy đối ngoại, các công tác đối ngoại phát triển rộng mở và đi vào chiều sâu hơn; trên mọi lĩnh vực đều có những thành tựu nổi bật như quan hệ song phương, quan hệ đa phương, công tác người Lào ở nước ngoài, sự hỗ trợ của Cộng đồng quốc tế, FDI... . Quan hệ với nhiều nước ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Lào đạt được những thành tựu vượt bậc như với Trung Quốc, với Việt Nam, Campuchia, Mỹ, Nhật Bản, Pháp, ASEAN... Đặc biệt những dấu mốc không thể quên trong nền ngoại giao Lào hiện đại như, năm 1993, Lào đã nâng cấp quan hệ với Mỹ lên cấp đại sứ, năm 1997 Lào gia nhập ASEAN và AFTA... Ba bài học kinh nghiệm mà ngoại giao Lào đã rút ra trong giai đoạn này là:

- 1. Thứ nhất, đường lối, chính sách đối ngoại phải xoay quanh và phục vụ cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước, đồng thời phải có sách lược phù hợp và kịp thời với sự diễn biến mau lẹ của tình hình thế giới.*
- 2. Thứ hai, hoạt động đối ngoại có tính hai mặt và phải trở thành nhiệm vụ của toàn dân. Hoạt động đối ngoại là có tính hai mặt: mặt trong nước và mặt ngoài nước. Mặt trong nước là nói đến tính ổn định chính trị, trật tự an toàn và an ninh trong xã hội, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và sự phồn vinh, vững mạnh về kinh tế. Điều đó trở thành cơ sở, chỗ dựa vững chắc và thành điều kiện cho việc tăng cường hiệu quả hoạt động đối ngoại. Mặt ngoài nước có nghĩa là cần tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước Lào cũng như văn hoá dân tộc để cho người nước ngoài hiểu, để tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ bằng nhiều hình thức,*

phục vụ mục tiêu phát triển đất nước theo đường lối của Đảng NDCM Lào và thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Lào.

- Thứ ba, muốn cho hoạt động đối ngoại có hiệu quả thì phải có nhân tố và điều kiện đảm bảo cần thiết, trước hết là nắm vững đường lối, chính sách, nắm vững tình hình thế giới, xây dựng môi trường pháp luật, cơ cấu tổ chức và cơ chế hợp tác thông thoáng, thích hợp và các điều kiện nhân lực, vật lực khác...*

Từ những điểm đã phân tích như trên, người viết xin trình bày những kiến nghị, giải pháp thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của ngoại giao Lào trong thời kỳ hội nhập mới:

*Một là, tăng cường việc giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức xã hội về hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế*

*Hai là, đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương lẫn đa phương*

*Ba là, tăng cường củng cố và nâng cao chất lượng của đội ngũ làm công tác đối ngoại có đủ năng lực làm tròn nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới*

*Bốn là, kiên quyết củng cố, uốn nắn nếp làm việc trong lĩnh vực đối ngoại cho phù hợp.*

*Năm là, tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò quan trọng của ngoại giao Nhà nước và các hình thức ngoại giao phong phú khác để cùng với đối ngoại của Đảng NDCM Lào và ngoại giao nhân dân tạo thành sức mạnh tổng hợp trên mặt trận đối ngoại.*

*Sáu là, cố gắng tạo các điều kiện cần thiết cho hoạt động đối ngoại*

*Bảy là, tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ để đáp ứng đòi hỏi của hoạt động đối ngoại.*

Bước vào thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, hoạt động đối ngoại của Lào bước sang một trang mới với những thay đổi cơ bản cả về tư duy lý luận lẫn hoạt động thực tiễn, được thể hiện cô đọng trong tuyên bố “Lào sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc

lập và phát triển” (Đại hội VII Đảng NDCM Lào). Phương châm đối ngoại đó là kim chỉ nam chỉ đạo việc hoạch định và thực thi đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Lào trong thời kỳ đổi mới.

Trên cơ sở tư duy đối ngoại đúng đắn, hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Lào thời kỳ mới đã mở ra quan hệ quốc tế mở rộng, toàn diện nhất từ trước tới nay. Đến nay, Lào đã có quan hệ ngoại giao với 130 nước với hầu hết các tổ chức quốc tế và khu vực. Lần đầu tiên trong lịch sử ngoại giao cách mạng, Lào có quan hệ hữu nghị với tất cả các nước lớn, các trung tâm kinh tế - chính trị trên thế giới, bạn gần xa, kết hợp giữa đa dạng hoá với xác lập và củng cố quan hệ với các đối tác tin cậy, các thị trường chiến lược, đã tạo cho Lào thế đối ngoại cân bằng, ổn định và vững chắc, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tuy đã đạt được những kết quả quan trọng, công cuộc hội nhập quốc tế của Lào vẫn còn ở giai đoạn đầu. Vì vậy, bên cạnh việc tiếp tục thực hiện các chủ trương, chính sách và giải pháp đã có, cần nghiên cứu để có thêm các *chủ trương, chính sách và giải pháp mới* nhằm đẩy mạnh hơn nữa tiến trình hội nhập của CHDCND Lào.

### **33. Tình đoàn kết đặc biệt Lào - Việt nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc thời kỳ chống Pháp**

*Học viên Nhotkhammani Souphanouvong*

Mối quan hệ giữa Lào và Việt Nam được xây dựng, tôi luyện trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Quan hệ Lào – Việt Nam khác với quan hệ Lào – Thái Lan, Lào – Trung Quốc... Là quan hệ hiếm có trên thế giới, có tính chất đặc biệt thể hiện qua sự hy sinh xương máu vì nhau trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Nhân tố tác động, chi phối mối quan hệ Lào – Việt Nam là hai nước cạnh nhau lâu đời, có truyền thống chống giặc ngoại xâm ngay từ khi chưa có Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, có chung một mục đích đánh đuổi bọn thực dân xâm lược và vai trò lãnh tụ của hai nước Chủ tịch Hồ Chí Minh và Hoàng thân Xuphanuvông –

có mối quan hệ anh em thân thiết, có chung một tư tưởng lớn là giành độc lập cho dân tộc. Các nhân tố trên là cơ sở, nền tảng cho quá trình hợp tác giữa Lào – Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp (1945 – 1954) sau này và phát triển thành mối quan hệ đặc biệt. Năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là một sự kiện hết sức quan trọng đối với cách mạng ba nước Đông Dương, từ khi có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của hai nước đã từng bước giành thắng lợi mặc dù lúc đó gặp rất nhiều khó khăn, gian khổ nhưng hai nước vẫn đoàn kết, hợp tác, cùng nhau vươn lên giành độc lập, tự do về cho đất nước, cho nhân dân thuộc Pháp phải đầu hàng dẫn tới việc kí kết Hiệp định Giơnevơ chấm dứt chiến tranh trên bán đảo Đông Dương, công nhận độc lập của ba nước anh em. Sự gắn bó, đoàn kết trong kháng chiến chống Pháp xâm lược đã thể hiện sự đoàn kết cao cả, một nhu cầu và đòi hỏi phải gắn kết hai dân tộc trong cuộc chiến đấu chung trên tất cả các mặt trận quân sự cũng như chính trị, đối ngoại.

Trải qua những năm tháng gắn bó trong khối đại đoàn kết chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ độc lập, tự do của mỗi nước, hai nước đã có Đảng riêng, từ khi có hòa bình mối quan hệ giữa hai nước đã chuyển sang một cung bậc mới đó là hợp tác toàn diện cùng nhau xây dựng và bảo vệ tổ quốc của mình, dựa trên nền tảng liên minh chiến lược cùng có chung cội nguồn là Đảng Cộng sản Đông Dương, cùng có chung vị lãnh tụ vĩ đại là Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng theo đuổi mục tiêu và lý tưởng chung. Quan hệ hợp tác giữa hai nước Lào và Việt Nam trong tình hình mới hiện nay được xây dựng trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và trên tinh thần quan hệ đặc biệt, dành ưu tiên, ưu đãi cho nhau một cách hợp lý và phù hợp với thông lệ quốc tế. Trên tinh thần đó, quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước trong những năm qua, đặc biệt là từ khi hai nước thực hiện công cuộc đổi mới đến nay đã giành được những thắng lợi to lớn, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của nền kinh tế mỗi nước.

Tóm lại, đề tài này chủ yếu đề cập đến nội dung, tính chất đặc biệt của mối quan hệ hai nước Lào – Việt Nam.

### 34. Vai trò của đối ngoại nhân dân đối với quan hệ Lào – Việt Nam

*Học viên Somxayphone Thippavong*

Lào và Việt Nam có mối quan hệ láng giềng hữu nghị truyền thống, đặc biệt, thủy chung và trong sáng, hiếm có trong quan hệ quốc tế. Là tài sản vô giá của hai dân tộc truyền tiếp cho các thế hệ mai sau, là quy luật phát triển và là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước. Chính vì vậy, mối quan hệ này luôn có ý nghĩa to lớn đối với Lào.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Lào, hoạt động đối ngoại nhân dân đang có những đóng góp vô cùng quan trọng đối với công cuộc cải cách của Lào và tăng cường quan hệ hợp tác giữa nhân dân Lào và nhân dân các nước bạn bè trong khu vực và trên thế giới nói chung, giữa nhân dân Lào và Việt Nam nói riêng.

Đối ngoại nhân dân (ĐNNĐ) không phải là vấn đề mới mà các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng nhân dân của Lào đã và đang thực hiện. Nhưng thực tế, trong hoạt động ĐNNĐ lại chưa có chỉ thị nào quy định cụ thể về công tác đối ngoại nhân dân, cho đến Đại hội VIII Đảng Nhân dân Cách mạng Lào mới đưa cụm từ “Đối ngoại nhân dân” vào văn kiện Đại hội Đảng với nội dung “Tăng cường công tác đối ngoại nhân dân”. Việc đưa ra quan điểm của Đảng về ĐNNĐ trong thời kỳ hiện nay phải dựa vào đường lối chính sách đối ngoại của Đảng. Ngoài ra, vấn đề “Đối ngoại nhân dân” ở Lào lại chưa có tài liệu nào đề cập và chưa có tác giả nào nghiên cứu về vấn đề này. Chính vì vậy, tác giả phải nghiên cứu thêm quan điểm về ĐNNĐ của các nước, đặc biệt là quan điểm của Việt Nam về ĐNNĐ. Có thể rút ra quan điểm ĐNNĐ của Lào như sau: *“Coi trọng đối ngoại nhân dân là một bộ phận cấu thành đối ngoại chung của đất nước bao gồm đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; hoạt động không thuộc phạm vi của đối ngoại Đảng và ngoại giao Nhà nước do các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng nhân dân thực hiện nhằm mục đích tăng cường quan hệ hợp tác giữa nhân dân. Góp phần thực hiện đường lối đối ngoại*



*hòa bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ; thực hiện chủ trương CNDCND Lào sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước”.*

Với mục đích của đề tài là làm rõ vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quần chúng nhân dân trong việc củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác Lào – Việt Nam. Hoạt động ĐNND là hình thức hoạt động rộng có nhiều chủ thể tham gia. Trong phạm vi nghiên cứu của mình, tác giả chỉ nghiên cứu hoạt động ĐNND mà điển hình là 6 tổ chức như: Mặt trận Lào xây dựng đất nước, Đoàn thành niên Nhân dân cách mạng Lào, Hội liên hiệp phụ nữ Lào, Liên hiệp công đoàn Lào, Hiệp hội cựu chiến binh Lào và các tổ chức hòa bình, hoàn kết, hữu nghị như Ủy ban hòa bình và đoàn kết Lào và Hội hữu nghị Lào – Việt Nam. Từ trước tới nay, các tổ chức trên có quan hệ ĐNND chặt chẽ với Việt Nam với mục đích chung là tăng cường quan hệ hợp tác giữa nhân dân hai nước. Với vai trò: làm cầu nối vận động và thúc đẩy các hoạt động hữu nghị và hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật; tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, nhằm không ngừng củng cố và tăng cường truyền thông đoàn kết hữu nghị đặc biệt Lào – Việt Nam.

Tuy nhiên, trong thực tế hoạt động ĐNND của Lào có những hạn chế là: chưa có chỉ thị cụ thể về công tác đối ngoại nhân dân; thiếu chiến lược và xác định mục và biện pháp thực hiện; quy mô và phạm vi hoạt động còn hẹp, hình thức và nội dung còn thiếu kịp thời, năng động, linh hoạt; việc phối hợp tổ chức hoạt động giữa Ban đối ngoại, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quần chúng nhân dân chưa làm được tốt.

Để khắc phục những hạn chế trên, có thể rút ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy vai trò của đối ngoại nhân dân trong phát triển quan hệ Lào – Việt Nam như sau: phải có các quy định cụ thể về công tác đối ngoại nhân dân; xây dựng chiến lược trong từng giai đoạn; tăng cường vai trò của Ban Đối ngoại Trung ương Đảng NDCM Lào trong việc hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện công tác ĐNND; phải thành lập một tổ chức chuyên trách về công tác đối ngoại nhân dân; xác định mục tiêu và trọng tâm trong quan hệ ĐNND với Việt Nam và đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức hoạt động, đa dạng các chủ thể tham gia, chủ động trong quan hệ hợp tác./

### 35. Hợp tác Campuchia - Việt nam từ năm 1993 đến nay

*Học viên Chhoueut Sopheak*

Hơn 40 năm qua, kể từ ngày thiết lập quan hệ ngoại giao (24/6/1967), quan hệ Campuchia - Việt Nam ngày càng phát triển sâu rộng, đi vào thực chất và hiệu quả hơn dựa trên phương châm "*Láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài*". Sự gần gũi về địa lý cùng với những điểm tương đồng về lịch sử và sự song trùng lợi ích khi hai nước cùng gia nhập ASEAN là những cơ sở gốc rễ cho mối quan hệ truyền thống lâu đời Chính phủ và giữa nhân dân hai nước. Trong những năm qua, nhằm không ngừng củng cố và tăng cường hơn nữa sự tin cậy gắn bó giữa hai nước, các cuộc gặp gỡ trao đổi cấp cao được tăng cường. Các đoàn thăm, trao đổi làm việc ở cấp Chính phủ, các bộ, ngành, đoàn thể quần chúng và các địa phương hai nước, nhất là các tỉnh có chung biên giới cũng ngày càng tăng, góp phần quan trọng tăng cường mối quan hệ ngày càng cởi mở, chân tình, đáng tin cậy và gắn bó giữa Campuchia và Việt Nam. Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế thế giới mối quan hệ Campuchia – Việt Nam cũng bước vào giai đoạn mới. Mối quan hệ đó giờ đây đã phát triển trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng, văn hóa và một số lĩnh vực khác đáp ứng những nhu cầu phát triển bền vững, lâu dài của cả hai quốc gia. Trong bối cảnh mới, hai nước đã điều chỉnh chính sách ngoại giao coi trọng việc thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương vì lợi ích chung của hai nước cũng như vì hoà bình và ổn định trên thế giới và trong khu vực Đông Nam Á, Châu Á - Thái Bình Dương cũng như trong khu vực Tiểu vùng Sông Mê công. Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề, tác giả lựa chọn đề tài: **“Hợp tác Campuchia - Việt Nam từ năm 1993 đến nay”** để làm luận văn tốt nghiệp.

Khi chọn đề tài nghiên cứu này, tác giả đã đặt ra mục đích của luận văn là nhằm đánh giá những cơ sở của mối quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện giữa Campuchia và Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 1993 đến nay trên cơ sở phân các yếu tố thuộc về chính sách của Campuchia và Việt nam, và thực trạng quan

hệ Campuchia – Việt Nam trong một số lĩnh vực trọng yếu. Trên cơ sở mục đích này, tác giả đề ra nhiệm vụ mà luận văn này phải trả lời được là:

Cơ sở phát triển mối quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là gì?

Thực trạng mối quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam trong thời gian qua là như thế nào?

Triển vọng và giải pháp nhằm thúc đẩy mối quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện giữa Campuchia và Việt Nam đáp ứng nhu cầu phát triển của cả 2 quốc gia trong xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa là gì?

Để giải quyết nhiệm vụ được đặt ra thì ngoài phần mở đầu, nội dung, kết luận, tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương I: Những nhân tố tác động tới mối quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam

Chương II: Quá trình hợp tác giữa Campuchia và Việt Nam từ năm 1993 đến nay

Chương III: Triển vọng và giải pháp thúc đẩy mối quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam.

Thông qua nội dung của 3 chương này, luận văn đã giải quyết được những vấn đề được đặt ra trong phần mục đích nghiên cứu, đó là:

Hệ thống hóa lý luận cơ bản điều kiện, tác động đến mối quan hệ hợp tác giữa Campuchia và Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa.

Nghiên cứu quá trình lịch sử quan hệ ngoại giao giữa Campuchia và Việt Nam trong thời kỳ năm 1993 đến nay.

Đánh giá chung quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam trên các lĩnh vực từ kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng...thông qua đó rút ra những ưu điểm, hạn chế.

Nêu lên những quan điểm, mục tiêu định hướng, kiến nghị và những giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng và củng cố mối quan hệ hữu nghị hợp tác giữa Campuchia và Việt Nam.

### **36. Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và sự hội nhập của Campuchia**

*Học viên: Ly Rotha*

Trong thời đại ngày nay, toàn cầu hoá và khu vực hoá đang diễn ra ngày càng sâu sắc mà không một quốc gia nào có thể đứng ngoài. Campuchia là một nước nghèo trong khu vực Đông Nam Á. Campuchia nhận thức được rằng muốn đưa đất nước phát triển thì không còn con đường nào khác ngoài việc hội nhập với nền kinh tế thế giới. Do sự cố gắng của Chính phủ và sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế cũng như các bạn bè trên thế giới, Campuchia đã trở thành thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á - ASEAN từ năm 1999 và năm 2004 là thành viên thứ 148 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), một tổ chức thương mại lớn nhất toàn cầu hiện nay.

Các quốc gia trên thế giới muốn được kết nạp vào WTO luôn phải trải qua các vòng đàm phán với tất cả các thành viên của WTO. Tính chất của việc đàm phán làm cho WTO càng ngày càng phát triển và thay đổi liên tục thông qua các vòng đàm phán đó. Hơn nữa, cách mạng khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển và nền kinh tế thế giới cũng như vậy.

Đối với Campuchia, bắt đầu từ năm 1993, do sự ổn định về chính trị, nền kinh tế đã phát triển hơn so với trước. Đặc biệt, sau khi hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới trong khuôn khổ các tổ chức như ASEAN và WTO, kinh tế Campuchia luôn phát triển với tốc độ cao, ổn định. GDP đã tăng lên từ 5.2% năm 2002 ; 8.5% trong năm 2003; 10.0% trong năm 2004 và 13.5% vào năm 2005 [26; tr.79]. Nhưng sau đó bắt đầu có xu hướng giảm xuống, 10.8% trong năm 2006; 10.2% năm 2007; 7.0% năm 2008 và dự kiến là 6.0% năm 2009 [27; tr.65].

Xác định được tầm quan trọng của WTO cũng như hoạt động hội nhập của Campuchia vào tổ chức này đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị của đất nước nên đã có một số bài viết và các công trình nghiên cứu của các bộ, ngành và các tác giả khác về vấn đề này. Tuy nhiên, với tư cách là một thành viên chính thức của WTO, Campuchia chắc chắn không thể tránh khỏi những tác động tích cực và cả những hạn chế, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. Vì vậy, việc nghiên cứu về WTO và sự hội nhập của Campuchia luôn là vấn đề hết sức cần thiết và có tính thời sự đối với các học giả, các doanh nghiệp, các nhà quản lý cũng như đối với Chính phủ Campuchia, để từ đó tiếp tục tăng cường hiệu quả hoạt động hội nhập của mình.

Luận văn sẽ làm rõ những câu hỏi: Thực tiễn hội nhập WTO của Campuchia như thế nào? Những tác động gì đối với sự hội nhập WTO của Campuchia? Những giải pháp nào để tăng cường hiệu quả hoạt động hội nhập WTO của Campuchia?

Với những câu hỏi trên, tác giả sẽ tìm hiểu về WTO và thực tiễn hội nhập WTO của Campuchia, đồng thời đánh giá các kết quả đạt được cũng như những tồn tại để rút ra những giải pháp phù hợp nhằm tận dụng tối đa những cơ hội và hạn chế tối đa những thách thức phải đối mặt trong thời gian tới.

Để đạt được mục tiêu này, luận văn sẽ tập trung:

- Nghiên cứu sơ bộ về tổ chức thương mại thế giới (WTO) và khái quát lại về quá trình gia nhập WTO của Campuchia.

- Nghiên cứu phân tích về thực tiễn hội nhập WTO của Campuchia. Trong đó sẽ tập trung phân tích về sự tác động tích cực và tiêu cực của WTO đối với quá trình hội nhập của Campuchia.

- Thông qua việc phân tích về sự tác động tích cực và tiêu cực trên, luận văn sẽ đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động hội nhập WTO của Campuchia.

Sau khi hoàn thành mục tiêu nghiên cứu và những nhiệm vụ đề ra, hy vọng luận văn sẽ trở thành một nguồn tài liệu tham khảo bổ sung cho việc nghiên cứu về sự hội nhập WTO của Campuchia nói riêng và các nước thành viên mới gia nhập khác như Việt Nam hoặc các nước đang đàm phán gia nhập khác nói chung để rút kinh nghiệm từ sự hội nhập của Campuchia. Đặc biệt là thông qua việc phân tích về sự tác động của WTO đối với Campuchia và các giải pháp đưa ra trong luận văn này có thể đóng góp cho nhà hoạch định chính sách thương mại của Campuchia giúp nhìn rõ hơn về điểm mạnh và điểm yếu của mình để có thể đề ra một chính sách đúng đắn hơn nhằm mục đích tăng cường hiệu quả trong cuộc cách tranh với các đối tác khác trên thị trường toàn cầu